



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG**  
**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 6**  
**– TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

**TỔ CHỨC BÁN ĐẦU GIÁ**

**Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38217713 Fax: (08) 38217452

Website: [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn)

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 - TNHH Một thành viên**

Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3510.1863 Fax: 08.3510.1858

Website: [www.cienco6.vn](http://www.cienco6.vn)

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 17 Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (04) 39360261 Fax: (04) 39360262

Website: [www.vCBS.com.vn](http://www.vCBS.com.vn)

*Tp.Hồ Chí Minh, tháng 02 năm 2014*

**NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC  
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG CỦA  
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 6  
– TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

|                              |   |
|------------------------------|---|
| Số lượng cổ phần chào bán:   | <b>28.724.100</b> cổ phần, chiếm <b>47,87%</b> vốn điều lệ.   |
| Loại cổ phần chào bán:       | Cổ phần phổ thông.  |
| Mệnh giá:                    | 10.000 đồng/cổ phần.  |
| Giá khởi điểm:               | 10.000 đồng/cổ phần.  |
| Đặt cọc:                     | 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.  |
| Đối tượng tham gia:          | Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chứng của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 - TNHH Một thành viên. |
| Tổ chức bán đấu giá cổ phần: | Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh   |
| Thời gian tổ chức đấu giá:   | Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chứng của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 - TNHH Một thành viên.  |
| Địa điểm tổ chức đấu giá:    | Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.   |

## MỤC LỤC

### PHẦN I

|   |           |
|---|-----------|
| <b>THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ .....</b>  | <b>7</b>  |
| <b>I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ .....</b>   | <b>7</b>  |
| <b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>                      | <b>8</b>  |
| 1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa.....   | 8         |
| 2. Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 – TNHH Một thành viên .....                              | 8         |
| 3. Tổ chức tư vấn .....   | 8         |
| <b>III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT .....</b>  | <b>9</b>  |
| <b>I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA .....</b>   | <b>10</b> |
| 1. Giới thiệu về doanh nghiệp.....  | 10        |
| 2. Ngành nghề kinh doanh .....  | 10        |
| 3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu .....  | 12        |
| 4. Quá trình hình thành và phát triển.....  | 13        |
| 5. Đánh giá về cơ cấu tổ chức.....  | 14        |
| 5.1. Cơ cấu tổ chức .....   | 14        |
| 5.2. Tổ chức bộ máy .....   | 15        |
| 6. Danh sách công ty mẹ và công ty con .....  | 20        |
| 7. Thực trạng về lao động và kế hoạch sắp xếp lao động.....   | 21        |
| <b>II. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA.....</b>  | <b>23</b> |
| 1. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2013.....   | 23        |
| 2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....  | 25        |
| 2.1 Thực trạng về TSCĐ .....  | 25        |
| 2.2 Thực trạng về đất đai đang sử dụng.....   | 27        |
| <b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....</b> | <b>28</b> |
| 1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....  | 28        |

|   |   |           |
|---|---|-----------|
| 2.  | Nguyên vật liệu.....  | 33        |
| 2.1   | Nguồn nguyên liệu sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh .....                                 | 33        |
| 2.2   | Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu .....  | 33        |
| 2.3   | Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận .....                                 | 33        |
| 3.  | Chi phí sản xuất .....  | 34        |
| 4.  | Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới .....   | 35        |
| 5.  | Trình độ công nghệ.....   | 35        |
| 6.  | Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ .....  | 38        |
| 7.  | Hoạt động Marketing.....  | 39        |
| 8.  | Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....                                  | 39        |
| 9.  | Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....                                       | 39        |
| 10.   | Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa..... | 43        |
| 11.   | Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm báo cáo .....  | 45        |
| 12.   | Vị thế của Tổng công ty.....  | 48        |
| 12.1  | Vị thế của Tổng công ty.....  | 48        |
| 12.2  | Triển vọng phát triển của ngành .....   | 49        |
| 12.3  | Sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty .....   | 51        |
| <b>PHẦN III.....</b>  |   | <b>52</b> |
| <b>PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA .....</b> |   | <b>52</b> |
| <b>I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA .....</b>        |   | <b>52</b> |
| 1.  | Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....  | 52        |
| 2.  | Hình thức pháp lý .....   | 52        |
| 3.  | Ngành nghề kinh doanh dự kiến.....  | 52        |
| 4.  | Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....  | 55        |
| 4.1   | Căn cứ xác định vốn điều lệ .....   | 55        |
| 4.2   | Quy mô vốn điều lệ.....   | 55        |
| 4.3   | Cơ cấu vốn điều lệ .....  | 56        |
| 5.  | Cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần sau cổ phần hóa.....   | 57        |

|  |           |
|--|-----------|
| <b>II. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SAU CỔ PHẦN HÓA .....</b> | <b>60</b> |
| 1. Một số dự báo .....   | 60        |
| 1.1. Tình hình kinh tế - xã hội .....  | 60        |
| 1.2. Đặc điểm tình hình ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty .....                           | 60        |
| 2. Mục tiêu, định hướng và chiến lược phát triển công ty cổ phần .....                         | 61        |
| 2.1 Mục tiêu .....   | 61        |
| 2.2 Định hướng .....   | 62        |
| 2.3 Chiến lược tổng thể.....   | 62        |
| 3. Kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.....   | 63        |
| 4. Phương án sử dụng đất đai .....   | 64        |
| 5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa .....                                   | 66        |
| 5.1. Tổng hợp một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh công ty cổ phần .....               | 67        |
| 5.2. Kế hoạch tài chính .....  | 68        |
| 6. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện.....  | 69        |
| 6.1. Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm.....   | 69        |
| 6.2. Nhóm giải pháp về đầu tư.....   | 70        |
| 6.3. Nhóm giải pháp về vốn, tài chính.....   | 71        |
| 6.4. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ.....   | 73        |
| 6.5. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực .....  | 74        |
| 6.6. Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp.....  | 77        |
| 6.7. Nhóm giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy .....  | 79        |
| <b>III. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN .....</b>   | <b>81</b> |
| 1. Rủi ro về kinh tế .....   | 81        |
| 2. Rủi ro pháp lý .....  | 81        |
| 3. Rủi ro tài chính .....  | 81        |
| 4. Rủi ro đặc thù của ngành .....  | 82        |
| 5. Rủi ro đợt chào bán.....  | 82        |
| 6. Rủi ro khác.....  | 83        |
| <b>PHẦN IV .....</b>   | <b>84</b> |
| <b>THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>   | <b>84</b> |
| <b>I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN.....</b>  | <b>84</b> |

|   |           |
|---|-----------|
| 1. Đối tượng mua cổ phần .....                            | 84        |
| 2. Phương thức chào bán .....                             | 84        |
| 2.1 Cổ phần người lao động được mua ưu đãi .....          | 84        |
| 2.2 Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn.....         | 85        |
| 2.3 Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược.....            | 85        |
| 2.4 Cổ phần chào bán đấu giá công khai .....              | 85        |
| 3. Phương thức thanh toán và thời gian thanh toán .....   | 86        |
| <b>II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA .....</b> | <b>87</b> |
| <b>III. KẾT LUẬN.....</b>                                 | <b>88</b> |

### **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

|   |    |
|---|----|
| Bảng 1: Thực trạng về lao động trong 3 năm qua.....               | 21 |
| Bảng 2: Kế hoạch sắp xếp lao động.....                            | 23 |
| Bảng 3: Tình hình tài sản tại 30/06/2013 của Tổng công ty.....    | 25 |
| Bảng 4: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp của Tổng công ty.....     | 32 |
| Bảng 5: Cơ cấu chi phí của Tổng Công ty.....                      | 34 |
| Bảng 6: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết ..... | 40 |
| Bảng 7: Tình hình tài chính của Tổng công ty.....                 | 43 |
| Bảng 8: Cổ phần nắm giữ của các cổ đông.....                      | 56 |
| Bảng 9: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa .....            | 87 |

### **DANH MỤC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ**

|  |    |
|--|----|
| Biểu đồ 1: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp của Tổng công ty..... | 32 |
| Biểu đồ 2: Cơ cấu chi phí của Tổng công ty.....                  | 34 |

**PHẦN I****THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ****I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ**

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.
- Quyết định số 1419/QĐ-BGTVT ngày 19/06/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6.
- Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015.
- Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.
- Văn bản số 2179/BGTVT-TC ngày 19/03/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6.
- Quyết định số 3168/QĐ-BGTVT ngày 10/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6.
- Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 06/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6.

**II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN****1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

**Ông Bùi Phi Hùng** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH Một thành viên  
Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ  
Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6.

**2. Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 – TNHH Một thành viên**

**Ông Nguyễn Văn Thanh** Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 – TNHH Một thành viên

**Ông Vũ Đức Hòa** Chức vụ: Kế toán trưởng Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 – TNHH Một thành viên

Những người có tên được nêu trên đây bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 – TNHH Một thành viên, trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

**3. Tổ chức tư vấn**

**Ông Lê Văn Minh** Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

Việc đánh giá và chọn lựa ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được chúng tôi thực hiện một cách thận trọng, dựa trên các thông tin và số liệu do Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 – TNHH Một thành viên cung cấp. Chúng tôi bảo đảm rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng những trình tự bắt buộc, nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.



**III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT**

- CBCNV : Cán bộ công nhân viên.
- Tổng Công ty : Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH Một thành viên.  
(Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6)
- CPH : Cổ phần hóa.
- DTT : Doanh thu thuần.
- ĐKKD : Đăng ký kinh doanh.
- Cienco 6 : Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH Một thành viên.  
(Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6)
- GTDN : Giá trị doanh nghiệp.
- ISO : International Organization for Standardization – Cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các đại diện từ các tổ chức tiêu chuẩn các quốc gia.
- MTV : Một thành viên.
- QLDN : Quản lý doanh nghiệp.
- QSDD : Quyền sử dụng đất.
- ROA : Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản.
- ROE : Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu.
- ROS : Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu.
- SXKD : Sản xuất kinh doanh.
- TMCP : Thương mại cổ phần.
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn.
- TSCĐ : Tài sản cố định.
- VCBS : Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- VLXD : Vật liệu xây dựng.

**PHẦN II****TÌNH HÌNH VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA****I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA****1. Giới thiệu về doanh nghiệp**

- Tên gọi đầy đủ: Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 – TNHH MTV
- Tên viết tắt: **CIENCO 6**
- Tên tiếng Anh: **Civil Engineering Construction Corporation No 6**
- Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 08.3510.1863 Fax: 08.3510.1858
- Email: [cienco6@cienco6.vn](mailto:cienco6@cienco6.vn)
- Website: [www.cienco6.vn](http://www.cienco6.vn).
- Biểu tượng:

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Quyết định số 1759/QĐ-BGTVT ngày 25/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300487137 do Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 25/01/2011, ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; (mã ngành: 4210).
- Xây dựng công trình công ích; (mã ngành: 4220).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; (mã ngành: 4290).
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; (mã ngành: 0810).
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng; (mã ngành: 1622).
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; (mã ngành: 2392).
- Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; (mã ngành: 2394).
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; (mã ngành: 2395).
- Sản xuất sắt, thép, gang; (mã ngành: 2410).

- Đúc sắt thép; (mã ngành: 2431).
- Đúc kim loại màu; (mã ngành: 2432).
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; (mã ngành: 2511).
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; (mã ngành: 2512).
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; (mã ngành: 2592).
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; (mã ngành: 2824).
- Đóng tàu và cấu kiện nổi; (mã ngành: 3011).
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; (mã ngành: 3311).
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; (mã ngành: 3312).
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); (mã ngành: 3315).
- Xây dựng nhà các loại; (mã ngành: 4100).
- Phá dỡ; (mã ngành: 4311).
- Chuẩn bị mặt bằng; (mã ngành: 4312).
- Lắp đặt hệ thống điện; (mã ngành: 4321).
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; (mã ngành: 4322).
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; (mã ngành: 4329).
- Hoàn thiện công trình xây dựng; (mã ngành: 4330).
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; (mã ngành: 4390).
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện); (mã ngành: 4520).
- Đại lý, môi giới, đấu giá; (mã ngành: 4610).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; (mã ngành: 4659).
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; (mã ngành: 4662).
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; (mã ngành: 4663).
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; (mã ngành: 4752).
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); (mã ngành: 4931).
- Vận tải hành khách đường bộ khác; (mã ngành: 4932).

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; (mã ngành: 4933).
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; (mã ngành: 5012).
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; (mã ngành: 5022).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; (mã ngành: 5210).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); (mã ngành: 5510).
- Kinh doanh bất động sản; (mã ngành: 6810).
- Tư vấn, đấu giá bất động sản; đấu giá quyền sử dụng đất; (mã ngành: 6820).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; (mã ngành: 7110).
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; (mã ngành: 7120).
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; (mã ngành: 7410).
- Cho thuê xe có động cơ; (mã ngành: 7710).
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; (mã ngành: 7730).
- Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; (mã ngành: 7810).
- Cung ứng lao động tạm thời; (mã ngành: 7820).
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (trừ cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài); (mã ngành: 7830).
- Giáo dục nghề nghiệp (trừ giáo dục trung cấp chuyên nghiệp); (mã ngành: 8532).
- Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

### **3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu**

#### **+ Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:**

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (mã ngành: 4210);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành: 4290) gồm Xây dựng các công trình công nghiệp, Xây dựng sân bay, Xây dựng bến cảng và các công trình trên sông, Xây dựng đường hầm.

#### **+ Các sản phẩm chủ yếu của Tổng Công ty là:**

- Công trình đường bê tông asphalt, bê tông xi măng; cầu vượt; đường cao tốc; đường, bãi chuyên dụng; cảng hàng không; cầu cảng các loại trên sông, biển, nhất là cảng nước sâu.
- Đường hạ, cất cánh sân bay các loại (đường băng, đường lăn, sân đỗ sân bay).

- Công trình hầm cho giao thông, thủy điện.
- Cầu kiện bê tông đúc sẵn phục vụ các công trình giao thông và xây dựng.
- Cầu bê tông cốt thép có khẩu độ lớn, cầu dây văng, dây võng, cầu bê tông liên hợp.
- Kết cấu móng đường cho mọi địa hình, địa chất.
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, cao ốc, khu công nghiệp.
- Sản xuất vật liệu xây dựng: bê tông asphalt, đá chất lượng cao, cấp phối liên tục, cầu kiện thép như dàn thép, thiết bị thi công và coffa thép lắp ghép.

#### **4. Quá trình hình thành và phát triển**

- Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH MTV tiền thân là Ban Giao thông Công chính được thành lập theo Quyết định số 02/74 ngày 27/04/1974 của Trung ương Cục.
- Ngày 14/07/1975, Trung ương Cục ban hành quyết định thành lập Tổng cục Giao thông Vận tải miền Nam, trong đó có Xí nghiệp Liên hiệp Công trình Giao thông Vận tải miền Nam là một thành viên trực thuộc Tổng cục.
- Ngày 13/07/1976, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 2685/QĐ/TC đổi tên Xí nghiệp Liên hiệp Công trình Giao thông Vận tải miền Nam thành Xí nghiệp Liên hợp Công trình 4 trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.
- Ngày 12/04/1978, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77/CP thành lập Xí nghiệp Liên hợp Công trình IV trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.
- Ngày 13/11/1982, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 1796/QĐ/CBTC “Hợp nhất Xí nghiệp Liên hợp Công trình 4 và Khu đường bộ II chuyển thành Liên hiệp Các Xí nghiệp Xây dựng Giao thông Khu vực 6 trực thuộc Bộ Giao thông vận tải”.
- Ngày 25/03/1985, Liên hiệp Các Xí nghiệp Xây dựng Giao thông Khu vực 6 được đổi tên thành Liên hiệp Các Xí nghiệp Giao thông 6 theo Quyết định số 434/QĐ/TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
- Ngày 14/03/1989, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 425/QĐ-TCCB-LĐ tổ chức lại Liên hiệp Các Xí nghiệp Giao thông 6 thành Liên hiệp Các Xí nghiệp Xây dựng Công trình 6.

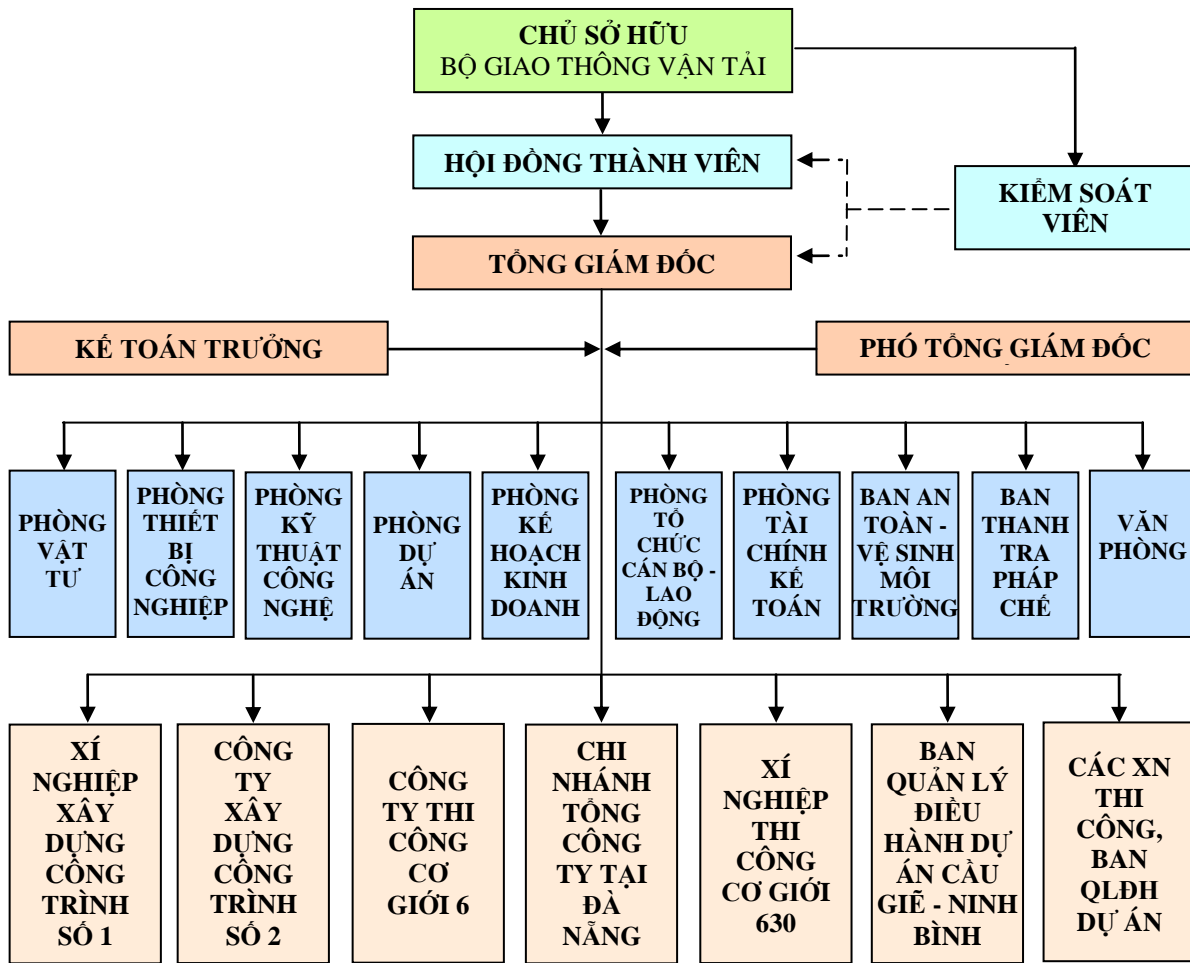
- Ngày 28/11/1991, Liên hiệp Các Xí nghiệp Xây dựng Công trình 6 được đổi tên thành Tổng Công ty Xây dựng Công trình 6 theo Quyết định số 2604/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bưu điện.
- Ngày 23/11/1995, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 4853/QĐ/TCCB-LĐ quyết định thành lập lại doanh nghiệp nhà nước Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6 trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.
- Ngày 25/06/2010, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 1758/QĐ-BGTVT về việc Phê duyệt Đề án chuyển Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6 sang tổ chức và hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con và Quyết định số 1759/QĐ-BGTVT về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6. Theo đó, Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6 chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trong đó Công ty mẹ là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước là chủ sở hữu.
- Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, Tổng công ty đã triển khai quyết liệt cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6.

## **5. Đánh giá về cơ cấu tổ chức**

### **5.1. Cơ cấu tổ chức**

- Cơ cấu tổ chức Tổng Công ty là tổ hợp Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên (Công ty con). Quy mô của Tổng công ty có vị thế khá tốt. Cơ cấu tổ chức Công ty mẹ gồm Văn phòng Công ty mẹ và các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc. Cơ cấu tổ chức Tổng công ty bao gồm:
  - ✓ Văn phòng Công ty mẹ và 06 chi nhánh (Chi nhánh tại Tp.Hồ Chí Minh, Tp.Đà Nẵng, tỉnh Hà Nam), các xí nghiệp thi công và Ban quản lý dự án.
  - ✓ Doanh nghiệp khác: 09 Công ty con (*Tổng công ty nắm giữ >50% vốn điều lệ*); 09 Công ty liên kết (*Tổng công ty nắm giữ từ 20% đến 50% vốn điều lệ*) và 10 khoản đầu tư dài hạn tại các doanh nghiệp khác.

5.2. Tổ chức bộ máy



5.2.1. Tại Văn phòng Công ty mẹ

Tổng Công ty có cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành gồm: Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

**Hội đồng thành viên**

- Hội đồng thành viên có 05 thành viên, gồm Chủ tịch và 04 thành viên Hội đồng do Chủ sở hữu - Bộ Giao thông vận tải quyết định bổ nhiệm.
- Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu Tổng công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, có quyền nhân danh Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty.

**Kiểm soát viên**

- Hiện nay, Công ty mẹ Tổng Công ty vẫn chưa được Chủ sở hữu - Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm Kiểm soát viên.



**+ Tổng giám đốc**

- Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, do Hội đồng thành viên bổ nhiệm trong số thành viên Hội đồng thành viên sau khi được Chủ sở hữu - Bộ Giao thông vận tải chấp thuận.
- Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty thực hiện mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ Tổng công ty.

**+ Phó Tổng giám đốc**

- Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc.
- Hiện nay, Tổng Công ty có 06 Phó Tổng giám đốc. Phó Tổng giám đốc do Tổng giám đốc đề nghị để Hội đồng thành viên bổ nhiệm.

**+ Kế toán trưởng**

- Kế toán trưởng do Tổng giám đốc đề nghị để Hội đồng thành viên bổ nhiệm.
- Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

**+ Bộ máy giúp việc**

Tổng Công ty có 10 phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc, gồm:

- ✓ **Phòng Tổ chức cán bộ - Lao động:** là đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Tổng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc quản lý, điều hành Tổng công ty trong lĩnh vực tổ chức bộ máy điều hành; quản lý lao động, tiền lương; quản lý đào tạo; công tác thi đua khen thưởng; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.
- ✓ **Phòng Tài chính - Kế toán:** là đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Tổng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc quản lý, điều hành trong lĩnh vực tài chính, tổ chức kế toán, thống kê phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, theo đúng quy định của pháp luật và của chủ sở hữu.
- ✓ **Phòng Kế hoạch - Kinh doanh:** là đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Tổng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc quản lý, điều



hành trong lĩnh vực lập kế hoạch, thông kê hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý và theo dõi thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng thi công xây dựng của Tổng công ty.

- ✓ **Phòng Dự án:** là đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Tổng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc quản lý, điều hành trong lĩnh vực tiếp thị, đấu thầu các dự án công trình xây dựng.
- ✓ **Phòng Vật tư:** là đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Tổng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc quản lý, điều hành trong lĩnh vực quản lý vật tư, nguyên nhiên vật liệu; lập kế hoạch, thực hiện mua sắm, cung ứng vật tư, nguyên nhiên vật liệu để sản xuất sản phẩm và phục vụ thi công các dự án, công trình của Tổng công ty.
- ✓ **Phòng Kỹ thuật - Công nghệ:** là đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Tổng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc quản lý, điều hành trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật, quản lý chất lượng, áp dụng những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, khoa học công nghệ vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng của Tổng công ty.
- ✓ **Phòng Thiết bị - Công nghiệp:** là đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Tổng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc quản lý, điều hành trong lĩnh vực quản lý thiết bị, phương tiện kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- ✓ **Ban An toàn - Vệ sinh môi trường:** là đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Tổng công ty, có chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc quản lý, điều hành trong lĩnh vực an toàn lao động và vệ sinh môi trường nhằm mục đích đảm bảo tuyệt đối an toàn cho cán bộ, công nhân viên, lao động của Tổng công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh và an toàn thiết bị, phương tiện kỹ thuật của Tổng công ty trong suốt thời gian thi công, xây dựng tại các dự án, công trình; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
- ✓ **Ban Thanh tra - Pháp chế:** là đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Tổng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc quản lý, điều hành trong lĩnh vực thanh tra, pháp chế; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật liên quan đến hoạt động của Tổng công ty.

- ✓ **Văn phòng:** là đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Tổng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc tổng hợp thông tin, điều phối hoạt động của các đơn vị; tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, quản trị, bảo mật, y tế, tiếp khách; đảm bảo điều kiện làm việc của khối văn phòng Tổng công ty.
- ✚ **Tổ chức chính trị và chính trị - xã hội:** Đảng bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên.
  - ✓ Đảng bộ Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH MTV là Đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Đảng bộ Tp.Hồ Chí Minh.
  - ✓ Công đoàn Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6 là công đoàn cấp trên cơ sở trực thuộc Công đoàn ngành Giao thông Vận tải Việt Nam.
  - ✓ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6 là Đoàn TNCS cấp trên cơ sở trực thuộc Thành Đoàn TP.Hồ Chí Minh.

### **5.2.2. Các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc bao gồm**

Tổng Công ty có 06 chi nhánh đang hoạt động, bao gồm:

#### ✚ **Công ty Thi công cơ giới 6**

- Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300487137-001 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 22/6/2006.

#### ✚ **Công ty Xây dựng công trình số 2**

- Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300487137-004 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 12/10/2006.

#### ✚ **Xí nghiệp Xây dựng công trình số 1 - Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6 - TNHH Một thành viên.**

- Địa chỉ: Tổ 19, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Tp.Đà Nẵng.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300487137-005 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Đà Nẵng cấp ngày 11/05/2011.

#### ✚ **Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6 - TNHH Một thành viên tại Đà Nẵng.**

- Địa chỉ: 60 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng. Lô 7-8 Đường nối 2/9 đến Bạch Đằng, Phường Bình Hiên

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300487137-007 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Đà Nẵng cấp ngày 05/04/2011.

**+ Ban Quản lý điều hành dự án xây dựng đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình Gói thầu số 5.**

- Địa chỉ: 48 đường 24 tháng 8, tổ 20, Phường Lê Hồng Phong, Tp.Phủ Lý, Hà Nam.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300487137-013 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 05/12/2006.

**+ Xí nghiệp Thi công cơ giới 630 - Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6 - TNHH Một thành viên.**

- Địa chỉ: Tổ 19, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Tp.Đà Nẵng.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300487137-014 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Đà Nẵng cấp ngày 05/04/2011.

Tổng công ty có 3 xí nghiệp trực tiếp thi công tại các dự án công trình trọng điểm gồm Xí nghiệp thi công Cầu 6, Xí nghiệp thi công Cầu 7, Xí nghiệp thi công Đường 5 và các Ban quản lý Điều hành dự án tại các công trình đang thi công.

Tổng Công ty đang tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, đã tạo dựng được một bộ máy tổ chức tương đối phù hợp, hữu hiệu, tạo sự liên kết kinh tế, gắn bó về lợi ích, thị trường và tập trung phát triển ngành nghề chính. Các doanh nghiệp liên kết xây dựng mối liên kết vừa là đối tác vừa là khách hàng tin cậy và hiệu quả.

**5.2.3. Đơn vị thành viên**

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2013, Tổng Công ty đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các doanh nghiệp khác như sau:

| STT      | Tên đơn vị   |
|----------|--|
| <b>I</b> | <b>Công ty con</b>                                 |
| 1        | Công ty cổ phần Công trình giao thông 68           |
| 2        | Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình 625     |
| 3        | Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 674 |
| 4        | Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng Công trình 71 |
| 5        | Công ty TNHH MTV Quản lý và Xây dựng Công trình 76 |

|            |  |
|------------|--|
| 6          | Công ty TNHH MTV Quản lý và Sửa chữa Đường bộ 78                     |
| 7          | Công ty TNHH MTV Quản lý và Sửa chữa Đường bộ 714                    |
| 8          | Công ty TNHH MTV Quản lý và Sửa chữa Đường bộ 719                    |
| 9          | Công ty Sửa chữa, Xây dựng công trình cơ khí giao thông 721          |
| <b>II</b>  | <b>Công ty liên kết</b>  |
| 1          | Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Kinh doanh bất động sản Tổng sáu     |
| 2          | Công ty trách nhiệm hữu hạn Minh Châu - Phương Đông                  |
| 3          | Công ty cổ phần Xây dựng công trình và Khai thác Đá 621              |
| 4          | Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng công trình 623                       |
| 5          | Công ty cổ phần Vật tư thiết bị và Xây dựng công trình 624           |
| 6          | Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 61                    |
| 7          | Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 675                   |
| 8          | Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 710                   |
| 9          | Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Khai thác Hạ tầng Đô thị Miền Nam |
| <b>III</b> | <b>Các khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác</b>                        |
| 1          | Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Sáu Ba Chín               |
| 2          | Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 610                   |
| 3          | Công ty cổ phần Beton 6  |
| 4          | Công ty cổ phần Xây dựng công trình Hàng không Sáu Bốn Bảy           |
| 5          | Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng                            |
| 6          | Công ty cổ phần Công trình giao thông 677                            |
| 7          | Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình                |
| 8          | Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài                            |
| 9          | Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO                      |
| 10         | Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh    |

## 6. Danh sách công ty mẹ và công ty con

- Công ty mẹ: không có
- Công ty con: như mục 5.2.3

## 7. Thực trạng về lao động và kế hoạch sắp xếp lao động

### 7.1. Thực trạng về lao động

**Bảng 1: Thực trạng về lao động trong 3 năm qua**

| STT      | Chỉ tiêu                      | Năm 2010   | Năm 2011   | Năm 2012   |
|----------|-------------------------------|------------|------------|------------|
| <b>1</b> | <b>Tổng số người lao động</b> | <b>485</b> | <b>492</b> | <b>467</b> |
| 1.1      | Lao động gián tiếp            | 221        | 205        | 242        |
| 1.2      | Lao động trực tiếp            | 264        | 287        | 225        |
| <b>2</b> | <b>Phân theo giới tính</b>    | <b>485</b> | <b>492</b> | <b>467</b> |
| 2.1      | Nam                           | 414        | 421        | 395        |
| 2.2      | Nữ                            | 71         | 71         | 72         |
| <b>3</b> | <b>Phân theo trình độ</b>     | <b>485</b> | <b>492</b> | <b>467</b> |
| 3.1      | Trên đại học                  | 4          | 4          | 4          |
| 3.2      | Đại học                       | 173        | 174        | 189        |
| 3.3      | Cao đẳng, trung cấp           | 62         | 71         | 65         |
| 3.4      | Nhân viên nghiệp vụ, sản xuất | 246        | 243        | 209        |
| <b>4</b> | <b>Phân theo hợp đồng</b>     | <b>485</b> | <b>492</b> | <b>467</b> |
| 4.1      | Hợp đồng không thời hạn       | 269        | 275        | 290        |
| 4.2      | Hợp đồng ngắn hạn             | 216        | 217        | 177        |

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Cienco 6

#### **Đánh giá chung**

- Đội ngũ cán bộ, lao động của Tổng Công ty hiện nay có kinh nghiệm, có khả năng tiếp thu công nghệ tiên tiến trên thế giới, đáp ứng được yêu cầu của sản xuất kinh doanh. Cán bộ quản lý, nhân viên văn phòng thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; công nhân sản xuất được bồi dưỡng nâng cao tay nghề.
- Với nguồn nhân lực có chất lượng, Tổng Công ty và các công ty thành viên đã từng bước tiếp cận với công nghệ tiên tiến, nâng cao kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng cơ hội và hạn chế thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần tích cực vào việc thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- **Bố trí sử dụng lao động:**
  - ✓ Hợp đồng thời vụ: Phục vụ cho các công việc tại các công trường, khi có việc bắt đầu ký hợp đồng. Chế độ bảo hiểm được tính vào lương, có hợp đồng được cơ quan quản lý lao động cấp quận, huyện kiểm tra là phù hợp với luật pháp.
  - ✓ Còn lại từ hợp đồng có thời hạn đến không xác định thời hạn được đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ, không nợ tiền bảo hiểm.
- **Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:**
  - ✓ Năm 2010: 5.401.000 đồng/1 người/1 tháng
  - ✓ Năm 2011: 6.185.000 đồng/1 người/1 tháng
  - ✓ Năm 2012: 7.459.000 đồng/1 người/1 tháng
  - ✓ Năm 2013 (ước thực hiện): 7.700.000 đồng/1 người/1 tháng
- Tổng Công ty quan tâm tới công tác phát triển nguồn nhân lực, quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực. Tổng Công ty đã triển khai chương trình nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Mặt khác, hàng năm Tổng Công ty đều tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng tay nghề cho công nhân và kỹ thuật viên theo nhiều hình thức đào tạo và tiết kiệm. Trong giai đoạn 2010-2012, Tổng công ty đã bố trí hơn 200 lượt cán bộ công nhân viên được đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ với tổng chi phí đào tạo hơn 150 triệu đồng.
- Đánh giá chính sách phát triển nguồn nhân lực của Tổng Công ty khá hữu hiệu.

#### **✚ Chính sách nhân sự**

- Tổng Công ty tập trung cải thiện điều kiện làm việc, chế độ, chính sách, tạo dựng văn hóa doanh nghiệp; Thực hiện luân chuyển cán bộ theo quy định và quy hoạch. Đến nay, Tổng Công ty đã có một đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh, đội ngũ công nhân có tay nghề, có kinh nghiệm, đầy tâm huyết, năng động và tương đối chuyên nghiệp; Chủ động quản lý, điều hành, làm chủ kỹ thuật, công nghệ.
- Đánh giá tiềm năng nhân lực Tổng Công ty ở mức độ tốt và chính sách nhân sự của Tổng Công ty hiện nay là hữu hiệu.

**7.2. Kế hoạch sắp xếp lao động**

**Bảng 2: Kế hoạch sắp xếp lao động**

| TT | Đơn vị  | Đơn vị tính  | Lao động có tại thời điểm 10/10/2013 | Lao động không có nhu cầu sử dụng | Lao động cần sử dụng chuyển sang CTCP |
|----|---|--------------|--------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|
| 1  | Văn phòng Công ty mẹ.   | Người        | 250                                  | 02                                | 248                                   |
| 2  | Xí nghiệp Thi công cơ giới 6.   | Người        | 59                                   | 27                                | 32                                    |
| 3  | Công ty Xây dựng công trình số 2.   | Người        | 28                                   | 00                                | 28                                    |
| 4  | Xí nghiệp Xây dựng công trình số 1  | Người        | 01                                   | 00                                | 01                                    |
| 5  | Chi nhánh tại Đà Nẵng.  | Người        | 10                                   | 00                                | 10                                    |
| 6  | Ban quản lý điều hành dự án xây dựng đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình Gói thầu số 5. | Người        | 07                                   | 00                                | 07                                    |
| 7  | Xí nghiệp Thi công cơ giới 630  | Người        | 63                                   | 00                                | 63                                    |
|    | <b>Cộng</b>   | <b>Người</b> | <b>418</b>                           | <b>29</b>                         | <b>389</b>                            |

**II. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA**

**1. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2013**

Theo Quyết định số 3168/QĐ-BGTVT ngày 10/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30/6/2013 là **1.602.217.873.290** đồng. Trong đó: Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **460.546.297.426** đồng. Kết quả xác định giá trị donah nghiệp được thể hiện cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu                                  | Số liệu sổ sách kế toán (đồng) | Số liệu xác định lại (đồng) | Chênh lệch (đồng)     |
|---|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| (1)                                       | (2)                            | (3)                         | (4)=(3)-(2)           |
| <b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b> | <b>1.519.686.599.629</b>       | <b>1.602.217.873.290</b>    | <b>82.531.273.661</b> |
| <b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>          | <b>406.624.254.279</b>         | <b>479.993.595.524</b>      | <b>73.369.341.245</b> |
| 1. TSCĐ                                   | 125.039.675.847                | 203.144.511.445             | 78.104.835.598        |
| a. TSCĐ hữu hình                          | 124.997.910.350                | 203.102.745.948             | 78.104.835.598        |



|   |                          |                          |                      |
|---|--------------------------|--------------------------|----------------------|
| b. TSCĐ thuê tài chính                                | 0                        | 0                        | 0                    |
| c. TSCĐ vô hình (chưa gồm giá trị QSDD)               | 41.765.497               | 41.765.497               | 0                    |
| 2. Bất động sản đầu tư                                | 0                        | 0                        | 0                    |
| 3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn                 | 223.519.470.476          | 213.804.977.730          | -9.714.492.746       |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                    | 15.499.036.481           | 15.499.036.481           | 0                    |
| 5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn                  | 0                        | 0                        | 0                    |
| 6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm GT lợi thế KD) | 42.551.071.475           | 47.530.069.867           | 4.978.998.392        |
| 7. Các khoản phải thu dài hạn                         | 0                        | 0                        | 0                    |
| 8. Tài sản dài hạn khác                               | 15.000.000               | 15.000.000               | 0                    |
| <b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>        | <b>1.021.578.883.024</b> | <b>1.029.836.269.436</b> | <b>8.257.386.412</b> |
| 1. Tiền   | 171.575.044.247          | 171.575.044.247          | 0                    |
| a. Tiền mặt tồn quỹ                                   | 4.723.756.794            | 4.723.756.794            | 0                    |
| b. Tiền gửi ngân hàng                                 | 166.851.287.453          | 166.851.287.453          | 0                    |
| c. Tiền đang chuyển                                   | 0                        | 0                        | 0                    |
| 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn                          | 0                        | 0                        | 0                    |
| 3. Các khoản phải thu                                 | 453.586.094.450          | 453.586.094.450          | 0                    |
| 4. Vật tư hàng hoá tồn kho                            | 365.927.664.164          | 365.927.664.164          | 0                    |
| 5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác                     | 30.490.080.163           | 38.747.466.575           | 8.257.386.412        |
| 6. Chi phí sự nghiệp                                  | 0                        | 0                        | 0                    |
| <b>III. Giá trị lợi thế KD của DN</b>                 | <b>0</b>                 | <b>904.546.004</b>       | <b>904.546.004</b>   |
| <b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>                  | <b>91.483.462.326</b>    | <b>91.483.462.326</b>    | <b>0</b>             |
| <b>B. Tài sản không cần dùng</b>                      | <b>1.146.660.055</b>     | <b>0.146.660.55</b>      | <b>0</b>             |
| <b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>                      | <b>1.146.660.055</b>     | <b>1.146.660.055</b>     | <b>0</b>             |
| 1. TSCĐ   | 1.146.660.055            | 1.146.660.055            | 0                    |
| 2. Đầu tư tài chính dài hạn                           | 0                        | 0                        | 0                    |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                    | 0                        | 0                        | 0                    |



|  |                          |                          |                       |
|--|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| 4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn                                       | 0                        | 0                        | 0                     |
| <b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>                             | <b>0</b>                 | <b>0</b>                 | <b>0</b>              |
| 1. Công nợ không có khả năng thu hồi                                       | 0                        | 0                        | 0                     |
| 2. Hàng hoá tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất                              | 0                        | 0                        | 0                     |
| <b>C. Tài sản chờ thanh lý</b>   | <b>0</b>                 | <b>0</b>                 | <b>0</b>              |
| 1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn                                       | 0                        | 0                        | 0                     |
| 2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn                                     | 0                        | 0                        | 0                     |
| <b>D. Tài sản hình thành từ quỹ Phúc lợi, khen thưởng</b>                  | <b>0</b>                 | <b>0</b>                 | <b>0</b>              |
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D)</b>                            | <b>1.520.833.259.684</b> | <b>1.603.364.533.345</b> | <b>82.531.273.661</b> |
| <b>Trong đó:</b>   |                          |                          |                       |
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>                           | <b>1.519.686.599.629</b> | <b>1.602.217.873.290</b> | <b>82.531.273.661</b> |
| <b>E1. Nợ thực tế phải trả</b>   | <b>1.141.671.575.864</b> | <b>1.141.671.575.864</b> | <b>0</b>              |
| Trong đó: Giá trị QSDĐ mới nhận giao phải nộp NSNN                         | 0                        | -                        | 0                     |
| <b>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>  | <b>226.347.519</b>       | <b>-</b>                 | <b>-226.347.519</b>   |
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A-(E1+E2)}</b> | <b>377.788.676.246</b>   | <b>460.546.297.426</b>   | <b>82.757.621.180</b> |

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Cienco 6 tại thời điểm ngày 30/06/2013)

## 2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

### 2.1 Thực trạng về TSCĐ

Tình hình TSCĐ của Tổng công ty theo giá trị sổ sách và đánh giá lại tại thời điểm 30/06/2013 như sau:

**Bảng 3: Tình hình tài sản tại 30/06/2013 của Tổng công ty**

Đơn vị tính: đồng

| Tài sản                     | Giá trị sổ sách        |                        | Giá trị đánh giá lại   |                        | Chênh lệch            |                       |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                             | Nguyên giá (VND)       | Giá trị còn lại (VND)  | Nguyên giá (VND)       | Giá trị còn lại (VND)  | Nguyên giá (VND)      | Giá trị còn lại (VND) |
| <b>TSCĐ đang dùng</b>       | <b>245.163.436.831</b> | <b>124.997.910.350</b> | <b>309.626.919.239</b> | <b>203.102.745.948</b> | <b>64.463.482.408</b> | <b>78.104.835.598</b> |
| - Nhà cửa, vật kiến trúc    | 30.324.621.487         | 20.225.104.147         | 82.705.137.902         | 62.624.974.557         | 52.380.516.415        | 42.399.870.410        |
| - Máy móc thiết bị          | 175.172.434.445        | 85.739.829.954         | 179.947.434.874        | 111.705.792.045        | 4.775.000.429         | 25.965.962.091        |
| - Phương tiện vận tải       | 36.928.902.869         | 18.672.057.367         | 43.859.491.698         | 27.569.894.888         | 6.930.588.829         | 8.897.837.521         |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 1.532.707.505          | 296.371.844            | 1.544.593.331          | 622.062.808            | 11.885.826            | 325.690.964           |
| - Tài sản cố định khác      | 1.204.770.525          | 64.547.038             | 1.570.261.434          | 580.021.650            | 365.490.909           | 515.474.612           |
| <b>TSCĐ không cần dùng</b>  | <b>2.311.957.000</b>   | <b>1.146.660.055</b>   | <b>2.311.957.000</b>   | <b>1.146.660.055</b>   | -                     | -                     |
| - Nhà cửa, vật kiến trúc    | -                      | -                      | -                      | -                      | -                     | -                     |
| - Máy móc thiết bị          | <b>2.311.957.000</b>   | <b>1.146.660.055</b>   | <b>2.311.957.000</b>   | <b>1.146.660.055</b>   | -                     | -                     |
| - Phương tiện vận tải       | -                      | -                      | -                      | -                      | -                     | -                     |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | -                      | -                      | -                      | -                      | -                     | -                     |
| - Tài sản cố định khác      | -                      | -                      | -                      | -                      | -                     | -                     |
| <b>TSCĐ chờ thanh lý</b>    | <b>0</b>               | <b>0</b>               | <b>0</b>               | <b>0</b>               | -                     | -                     |
| - Nhà cửa, vật kiến trúc    | -                      | -                      | -                      | -                      | -                     | -                     |
| - Máy móc thiết bị          | -                      | -                      | -                      | -                      | -                     | -                     |
| - Phương tiện vận tải       | -                      | -                      | -                      | -                      | -                     | -                     |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | -                      | -                      | -                      | -                      | -                     | -                     |
| - Tài sản cố định khác      | -                      | -                      | -                      | -                      | -                     | -                     |
| <b>Tổng cộng</b>            | <b>247.475.393.831</b> | <b>126.144.570.405</b> | <b>311.938.876.239</b> | <b>204.249.406.003</b> | <b>64.463.482.408</b> | <b>78.104.835.598</b> |

Nguồn: Bảng tổng hợp tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2013 của Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Cienco 6

**2.2 Thực trạng về đất đai đang sử dụng**

Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng tổng diện tích đất 18.185 m<sup>2</sup> trong đó có 1.769,6 m<sup>2</sup> đất giao có thu tiền sử dụng đất, còn lại 16.415,4 m<sup>2</sup> đất thuê và trả tiền thuê đất hàng năm: Văn phòng Công ty mẹ trực tiếp quản lý 4.663 m<sup>2</sup> tại 127 Đinh Tiên Hoàng, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

**+ Lô số 1**

- Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh
- Diện tích: 2.893,4 m<sup>2</sup>
- Hình thức sử dụng: Đất thuê trả tiền hàng năm

**+ Lô số 2**

- Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh
- Diện tích: 1.769,6m<sup>2</sup>
- Hình thức sử dụng: Đất giao có thu tiền sử dụng đất.

**+ Lô số 3**

- Địa chỉ: Xã Tăng Nhơn Phú nay là P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh
- Diện tích: 5.537 m<sup>2</sup>
- Hình thức sử dụng: Đất thuê trả tiền hàng năm

**+ Lô số 4**

- Địa chỉ: Lô C2-16 & C2-19 Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Tp.Đà Nẵng
- Diện tích: 7.985 m<sup>2</sup>
- Hình thức sử dụng đất: Đất thuê trả tiền hàng năm.

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA****1. Tình hình hoạt động kinh doanh****1.1. Sản phẩm của Tổng công ty:****+ Sản phẩm truyền thống**

Những sản phẩm truyền thống mà Tổng Công ty đã có lợi thế là:

- Công trình đường bê tông asphalt, bê tông xi măng; cầu vượt; đường cao tốc; đường, bãi chuyên dụng; cảng hàng không; cầu cảng các loại trên sông, biển, nhất là cảng nước sâu.
- Công trình hầm cho giao thông, thủy điện.
- Cầu kiện bê tông đúc sẵn phục vụ các công trình giao thông và xây dựng.
- Cầu bê tông cốt thép có khẩu độ lớn, cầu dây văng, cầu bê tông liên hợp.
- Kết cấu móng đường cho mọi địa hình, địa chất.
- Sản xuất vật liệu xây dựng: bê tông asphalt, đá chất lượng cao, cấp phối liên tục, cầu kiện thép như dàn thép, thiết bị thi công và coffa thép lắp ghép.
- Cung ứng xuất nhập khẩu thiết bị thi công xây dựng và thiết bị giao thông vận tải.
- Tư vấn đầu tư, khảo sát thiết kế các công trình giao thông.

**+ Sản phẩm mới**

- Xây dựng đường sắt trên cao, các công trình ngầm phục vụ giao thông.
- Khai thác, bảo trì cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ.
- Kinh doanh, cho thuê văn phòng, kho bãi tại khu đất trụ sở Tổng Công ty số 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh và các khu đất hiện đang thuộc quyền sử dụng của các đơn vị phụ thuộc.

**+ Sản phẩm phụ**

Ngoài những sản phẩm kinh doanh đúng khả năng chuyên môn, kinh nghiệm, Tổng Công ty nắm bắt cơ hội kinh doanh những ngành có cùng tính chất và có thể tận dụng thiết bị và công nghệ với loại hình kinh doanh chính nhưng có lợi nhuận cao là:

- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, cao ốc, khu công nghiệp.
- Vận chuyển.
- Cung ứng lao động.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

**1.2. Các công trình tiêu biểu**

Các công trình do Tổng Công ty thi công được đánh giá chất lượng cao, tiêu biểu như Cảng Dầu khí Vũng Tàu; hệ thống Cảng Sài Gòn; Cảng Tân Thuận; Cảng Holcim; Cảng Nhà Bè; Khu công nghiệp Amata; Khu Chế xuất Tân Thuận; Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore.

**+ Các dự án đường và đường cao tốc Tổng công ty tham gia thi công:**

- Nâng cấp Quốc lộ 1 (HRP2) Hợp đồng số 3 - Đoạn Đông Hà - Quảng Ngãi.
- Xây dựng đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1.
- Nâng cấp cảng Đà Nẵng - Đường vào Cảng và Nút giao Hòa Cầm - Tp.Đà Nẵng.
- Đường cao tốc Tp.Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây.
- Đường cao tốc Tp.Hồ Chí Minh - Trung Lương.
- Đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.
- Xây dựng cầu và đường nối từ Quốc Lộ 51 đến cảng Cái Mép... và nhiều công trình khác.

**+ Các dự án cầu Tổng công ty tham gia thi công:**

- Cầu Cần Thơ.
- Cầu Mỹ Thuận.
- Cải tạo cầu trên Quốc Lộ 1 (Giai đoạn II-3): gồm thi công cầu Cầu Lâu và xây dựng mới tuyến tránh Vĩnh Điện.
- Cầu Bình Phước thuộc dự án cải tạo đường xuyên Á Tp. Hồ Chí Minh đi PhnomPenh.
- Cầu Bình Điền.
- Cầu Rạch Miễu - Bến Tre.
- Cầu Thuận Phước - Tp.Đà Nẵng.
- Cầu Phú Mỹ - Tp.Hồ Chí Minh.
- Cầu Tô Châu – Kiên Giang.
- Cầu Đầm Cù – Cà Mau.
- Cầu Long Toàn – Trà Vinh.

**+ Hàm đường bộ:**

- Hàm đường bộ Hải Vân.
- Hàm tạt tỉnh Lào Cai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai.

**✚ Đường sắt đô thị (Metro):**

- Thi công đường trên cao và nhà ga dự án đường sắt nội đô thành phố Hồ Chí Minh tuyến 1 đoạn Bến Thành – Suối Tiên.

**✚ Các dự sân bay Tổng công ty tham gia thi công:**

- Sân bay Cần Thơ.
- Sân bay Tân Sơn Nhất.
- Sân bay Liên Khương.
- Sân bay Phú Quốc.
- Sân bay Đà Nẵng.

**✚ Hình ảnh một số công trình tiêu biểu:****Cầu Mỹ Thuận****Cầu Thuận Phước - Đà Nẵng****Hầm Hải Vân****Cầu Cần Thơ**



**Sân bay Tân Sơn Nhất****Sân bay Đà Nẵng****Đường cao tốc Tp.HCM – Trung Lương****Cảng Phú Hữu – Quận 9**

### **1.3. Tình hình hoạt động kinh doanh**

- Nhìn chung hoạt động kinh doanh của Tổng công ty khá khả quan, doanh thu năm sau tăng hơn so với năm trước với mức tăng trưởng khá cao trước tình hình khó khăn của nền kinh tế và chính sách thắt chặt đầu tư công, quy mô Tổng công ty ngày càng được mở rộng và lớn mạnh với tốc độ nhanh, ngày càng khẳng định vị trí của Tổng công ty trong ngành.
- Trong những năm vừa qua Tổng công ty thực hiện nhiều dự án lớn trọng điểm quốc gia, các công trình thi công đều đảm bảo chất lượng và tiến độ, ngày càng tạo lòng tin cho chủ đầu tư và khách hàng. Các chỉ số sinh lời của Tổng công ty tuy không cao so với các ngành khác nhưng vẫn duy trì được mức ổn định trong tình hình khó khăn chung, đảm bảo đầy đủ việc làm cho cán bộ công nhân viên, thu nhập ngày càng tăng.

**Bảng 4: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp của Tổng công ty**

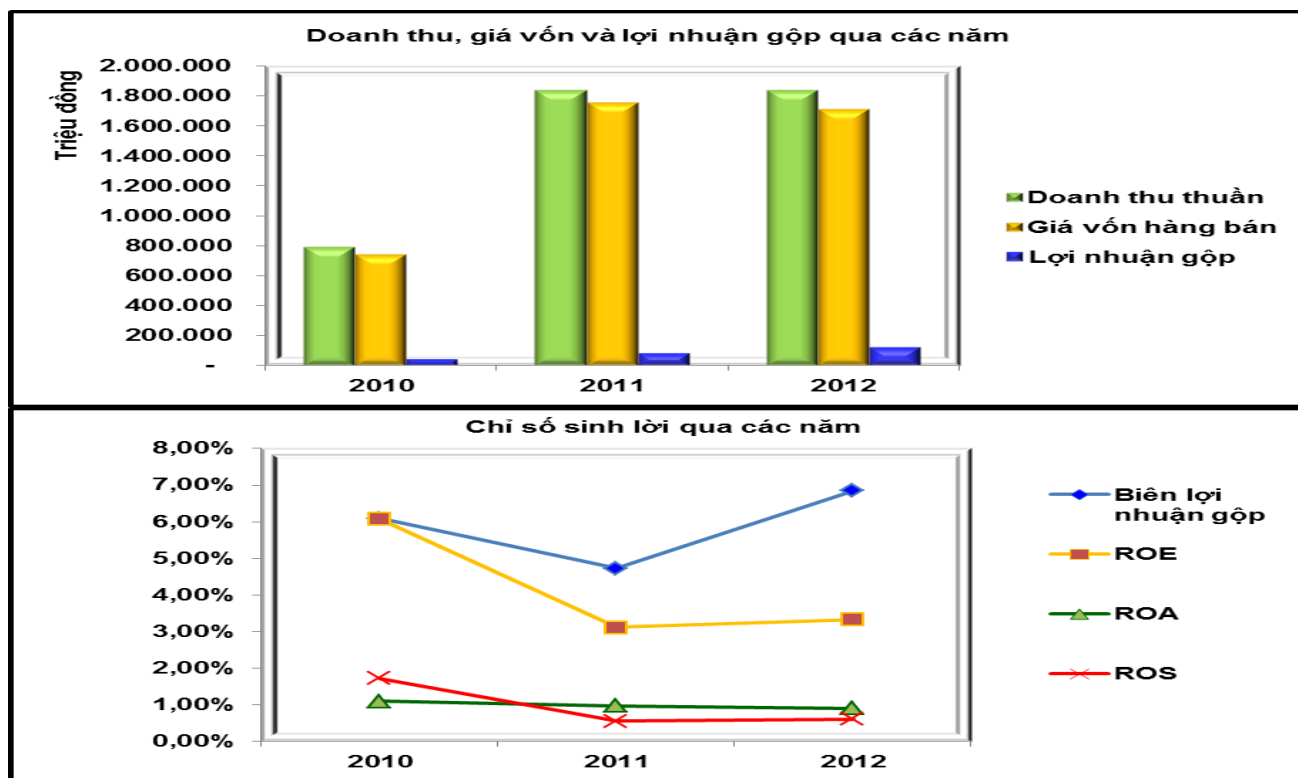
Đơn vị: đồng

| Khoản mục            | Năm 2010        | Năm 2011          | Năm 2012          |
|----------------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu thuần      | 798.291.997.833 | 1.840.371.705.971 | 1.838.151.752.808 |
| Giá vốn hàng bán     | 749.674.111.760 | 1.753.369.755.351 | 1.712.258.449.970 |
| Lợi nhuận gộp        | 48.617.886.073  | 87.001.950.620    | 125.893.302.838   |
| Lợi nhuận trước thuế | 14.961.824.899  | 10.265.781.100    | 11.172.734.055    |
| Lợi nhuận sau thuế   | 13.744.710.116  | 10.201.033.996    | 11.162.242.496    |
| Biên lợi nhuận gộp   | 6,09%           | 4,73%             | 6,85%             |
| ROE                  | 6,08%           | 3,12%             | 3,34%             |
| ROA                  | 1,10%           | 0,98%             | 0,90%             |
| ROS                  | 1,72%           | 0,55%             | 0,61%             |

Nguồn: Cienco 6

- Doanh thu Tổng Công ty hầu hết đến từ các hợp đồng xây dựng, chỉ riêng năm 2012, ngoài hoạt động xây dựng, có thêm từ hoạt động cho thuê máy móc thiết bị và khoản thu bất thường khác, tuy nhiên tỷ trọng không đáng kể. Về cơ bản, Tổng Công ty luôn duy trì tập trung đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh chính.

**Biểu đồ 1: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp của Tổng công ty**





- Các chỉ số sinh lời ROA và ROE năm 2011 và 2012 giảm so với năm 2010 là do Tổng công ty tăng mạnh vốn chủ sở hữu trong khi lợi nhuận sau thuế lại giảm nhẹ do sự khó khăn chung và chi phí tăng theo xu hướng chung của nền kinh tế. Tổng công ty vẫn duy trì biên lợi nhuận gộp khoảng 5% - 7%.

## **2. Nguyên vật liệu**

### **2.1 Nguồn nguyên liệu sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Tổng công ty là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, ngành nghề kinh doanh chủ yếu là xây dựng công trình đường bộ và đường sắt, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác gồm xây dựng công trình công nghiệp, xây dựng sân bay, xây dựng bến cảng và các công trình trên sông, xây dựng đường hầm.
- Nguyên vật liệu sử dụng chủ yếu là sắt, thép các loại, xi măng, cát, đá, nhựa đường, xăng, dầu... được sử dụng để tạo ra sản phẩm trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Những nguyên vật liệu này đóng vai trò quan trọng trong sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Tổng công ty đã tổ chức sản xuất vật liệu xây dựng: bê tông Asphalt, đá chất lượng cao, cấp phối liên tục, cấu kiện thép như dầm thép, thiết bị thi công và cốppha thép lắp ghép, các sản phẩm gạch ngói cung cấp kịp thời cho sản xuất kinh doanh.

### **2.2 Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu**

Hầu hết các loại nguyên vật liệu xây dựng sử dụng trực tiếp để cấu thành nên công trình, do vậy, chi phí nguyên vật liệu chiếm 70-80% giá trị sản phẩm xây dựng. Chính vì vậy, sự ổn định của nguồn nguyên liệu từ khâu sản xuất, giá cả nguồn cung cấp, vận chuyển, bảo quản, số lượng, chất lượng vật tư sẽ rút ngắn được thời gian thi công đảm bảo tiến độ chất lượng công trình, giảm chi phí sản xuất tăng lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh. Do đó, Tổng công ty coi trọng tìm kiếm nguồn vật liệu xây dựng, các nhà sản xuất cung cấp tiềm năng với giá cả cạnh tranh phù hợp với từng công trình tạo nên sự phát triển bền vững trong sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

### **2.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận**

Như đề cập ở trên chi phí nguyên vật liệu chiếm 70-80% giá trị sản phẩm xây dựng nên sự biến động giá cả vật liệu tất yếu sẽ làm cho chi phí sản xuất không ổn định, có thể làm cho giá thành bị đội lên. Nếu chủ đầu tư không điều chỉnh kịp thời thì sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, Tổng công ty luôn chú trọng đến việc đa

dạng hóa các nguồn cung cấp, quan hệ tốt với các đối tác, linh hoạt trong phương thức thanh toán ...để cố gắng ổn định được nguồn cung cấp và điều chỉnh giá cả kịp thời tránh thiệt hại đến mức thấp nhất.

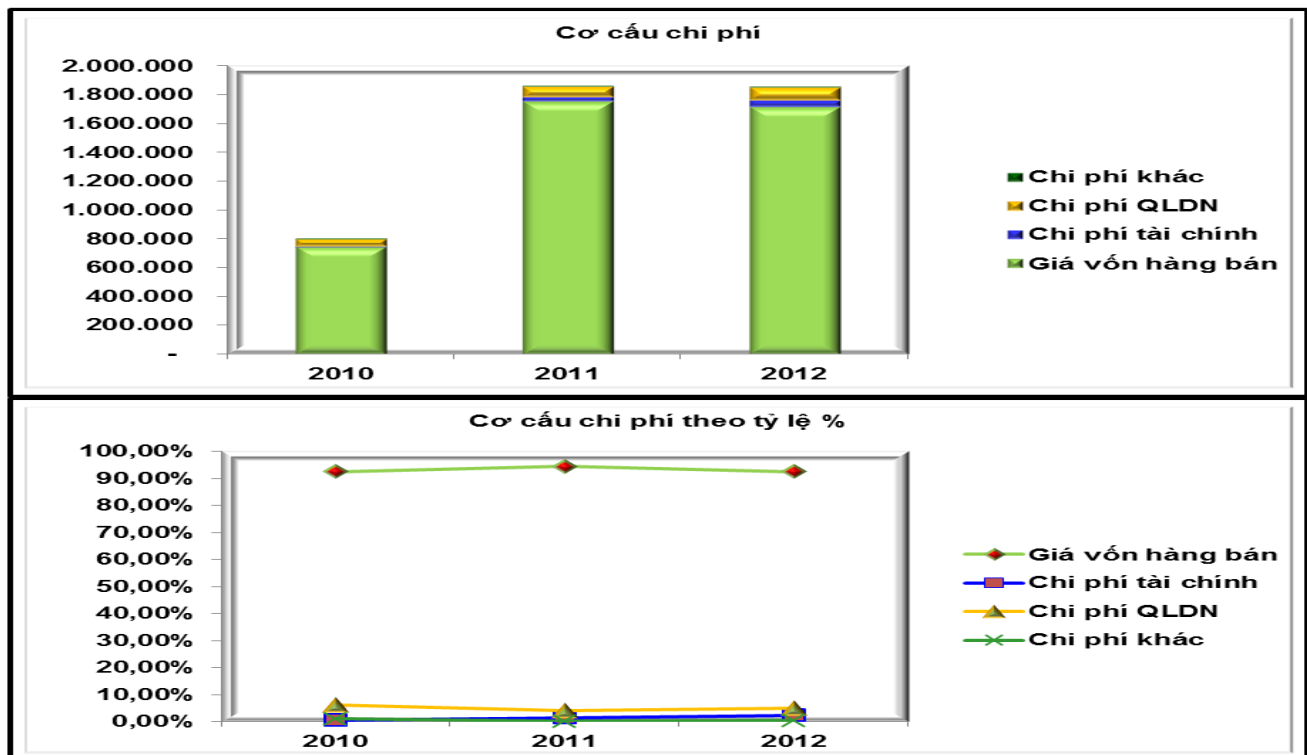
**3. Chi phí sản xuất**

**Bảng 5: Cơ cấu chi phí của Tổng Công ty**

| Chỉ tiêu            | Năm 2010             |                | Năm 2011             |                | Năm 2012             |                |
|---------------------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|
|                     | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng       | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng       | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng       |
| Giá vốn hàng bán    | 749.674              | 92,46%         | 1.753.370            | 94,48%         | 1.712.258            | 92,44%         |
| Chi phí tài chính   | 4.450                | 0,55%          | 26.057               | 1,40%          | 43.939               | 2,37%          |
| Chi phí bán hàng    | 0                    | 0,00%          | 0                    | 0,00%          | 0                    | 0,00%          |
| Chi phí QLDN        | 48.973               | 6,04%          | 74.667               | 4,02%          | 89.613               | 4,84%          |
| Chi phí khác        | 7.715                | 0,95%          | 1.811                | 0,10%          | 6.473                | 0,35%          |
| <b>Tổng chi phí</b> | <b>810.812</b>       | <b>100,00%</b> | <b>1.855.905</b>     | <b>100,00%</b> | <b>1.852.283</b>     | <b>100,00%</b> |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011 và 2012 của Cienco 6

**Biểu đồ 2: Cơ cấu chi phí của Tổng công ty**



Nguồn: VCBS tổng hợp

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù chủ yếu là thi công các công trình đường bộ nên chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu cũng như trong tổng chi phí. Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong tổng chi phí chiếm khoảng từ 92% - 95%, kể đến là chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm khoảng từ 4% - 6% trong tổng chi phí, trong các năm trở lại đây chi phí quản lý doanh nghiệp có xu hướng giảm cho thấy Tổng công ty có nhiều nỗ lực trong việc tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, chi phí lãi vay lại có xu hướng tăng và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng chi phí. Nếu như năm 2010 chi phí lãi vay chỉ chiếm 0,55% trong tổng chi phí thì đến năm 2012 chi phí lãi vay chiếm đến 2,37% trong tổng chi phí. Tổng công ty cũng có kế hoạch sau cổ phần hóa sẽ quản lý chặt chẽ chi phí lãi vay theo hướng hiệu quả hơn bằng cách tận dụng một cách hợp lý các nguồn vốn sẵn có, trong đó bao gồm các nguồn vốn của đối tác, xây dựng cấu trúc tài chính ổn định cho từng dự án cũng như Tổng công ty

#### **4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

- Việc nghiên cứu, đổi mới công nghệ sản xuất, đầu tư thiết bị, công nghệ mới được Tổng Công ty quan tâm thực hiện. Hiện nay, Tổng Công ty đã làm chủ các công nghệ thi công tiên tiến về cầu, đường, hầm, sân bay; đảm bảo thi công đạt chất lượng, đủ sức cạnh tranh với các nhà thầu trong phạm vi cả nước.
- Phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật của Tổng Công ty và các công ty thành viên không ngừng phát triển. Trong 5 năm qua đã có 300 sáng kiến với giá trị làm lợi khoảng 23,5 tỷ đồng. Ngoài ra còn rất nhiều sáng kiến chưa được thống kê báo cáo đầy đủ, nhiều sáng kiến có thống kê báo cáo nhưng không tính hiệu quả kinh tế.
- Đánh giá chung, trong thời gian qua, công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới của Tổng Công ty đã đạt được hiệu quả, góp phần vào sự phát triển của Tổng Công ty.

#### **5. Trình độ công nghệ**

Tổng Công ty đã làm chủ được nhiều công nghệ mới, đảm bảo đủ khả năng thi công các công trình có quy mô lớn, yêu cầu công nghệ cao, điều kiện thi công phức tạp. Các công nghệ Tổng Công ty đã và đang áp dụng trong thiết kế, thi công bao gồm:

- Công nghệ thi công các loại dầm bê tông dự ứng lực I, T,...
- Công nghệ thi công thùng chụp lớn, nhỏ tại Dự án Cầu Bình Phước, Cầu Bình Lợi.

- Công nghệ thi công cọc khoan nhồi đường kính lớn bằng máy RCD tại Dự án Cầu Bình Lợi, Cầu Long Thành.
- Công nghệ thử tĩnh bằng phương pháp cọc xoắn neo cho cọc khoan nhồi tại Dự án Đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây.
- Công nghệ kiểm tra độ thẳng đứng của hố khoan (khoan cọc nhồi) bằng máy KODEN tại Dự án Đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây.
- Công nghệ đúc đầm sàn toàn khối bê tông cốt thép đổ tại chỗ tại Dự án Sân bay Phú Quốc.
- Công nghệ thi công gia cố xử lý nền đất yếu bằng phương pháp cọc đất gia cố xi măng tại Dự án đường nối Quốc lộ 51 đến Cảng Cái Mép - Thị Vải và Dự án Sân bay Cần Thơ.
- Công nghệ thi công xử lý nền đất yếu bằng bác thấm tại Dự án đường nối Quốc lộ 51 đến Cảng Cái Mép - Thị Vải.
- Công nghệ thi công đúc hẫng cân bằng khẩu độ lớn tại Dự án Cầu Bình Phước, Cầu Tô Châu, Cầu Câu Lâu, Cầu Kiên Lương, Cầu Long Thành, Cầu Cái Tắc.
- Công nghệ thi công Dầm Super T tại Dự án Cầu Mỹ Thuận, Cầu Đầm Cùng, Đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Trung Lương, Đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây.
- Công nghệ thi công xà mũ trụ DUL căng sau tại Nút giao Tân Tạo, Cầu Câu Lâu.
- Công nghệ thi công tường chắn có cốt tại Nút giao Tân Tạo.
- Công nghệ NoVaChip lớp phủ mặt đường tại Dự án Sân bay Liên Khương.
- Thủy điện Đăctik. Công nghệ thi công hầm theo phương pháp NATM tại Dự án Hầm đường bộ Hải Vân,
- Công nghệ phần mềm chuyên dụng RMV8i dùng cho thiết kế các cầu vượt nhịp lớn ...

#### **Thiết bị và năng lực sản xuất**

- Hiện nay, Tổng Công ty đang quản lý và khai thác một số lượng thiết bị thi công rất lớn, tương đối đồng bộ, có đủ năng lực thi công các loại cầu, hầm, đường ô tô hiện đại với công nghệ tiên tiến, đảm bảo chất lượng và tiến độ. Trong đó:

| STT | Thiết bị           | Số lượng (cái/chiếc) |
|-----|--------------------|----------------------|
| 1   | Máy khoan cọc nhồi | 2                    |
| 2   | Sà lan             | 3                    |
| 3   | Cần cẩu            | 8                    |

|                  |                             |           |
|------------------|-----------------------------|-----------|
| 4                | Búa đóng cọc                | 7         |
| 5                | Máy trộn bê tông xi măng    | 8         |
| 6                | Xe du lịch                  | 14        |
| 7                | Xe xúc                      | 6         |
| 8                | Xe lu                       | 11        |
| 9                | Xe ban                      | 2         |
| 10               | Xe tải nhẹ                  | 1         |
| 11               | Bộ đúc hẫng                 | 1         |
| 12               | Trạm trộn bê tông nhựa nóng | 3         |
| 13               | Máy phát điện               | 5         |
| 14               | Máy nén khí                 | 6         |
| 15               | Xe ô tô tự đổ               | 8         |
| 16               | Xe đầu kéo                  | 2         |
| <b>Tổng cộng</b> |                             | <b>87</b> |

(Nguồn: Cienco 6)

- Ngoài ra, các công ty thành viên đang quản lý và khai thác nhiều thiết bị khác đảm bảo đủ năng lực thi công cùng lúc nhiều dự án, công trình đảm bảo tiến độ chất lượng.
- Thiết bị do Tổng Công ty quản lý, khai thác đa dạng về chủng loại và tính năng kỹ thuật, điển hình như:
  - ✓ Máy khoan cọc nhồi BAUER.
  - ✓ Thiết bị sản xuất dầm, xe lao dầm, thiết bị đúc hẫng, căng kéo dự ứng lực, với nhiều khẩu độ cầu khác nhau.
  - ✓ Thiết bị cắm bấc thấm, khoan cọc cát xử lý nền đất yếu tương đối đồng bộ.
  - ✓ Các loại máy xúc đào, máy ủi, máy lu, máy san gạt, máy tưới nhựa, máy trải thảm bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng; trạm trộn bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng, phục vụ thi công nền, móng, mặt đường chất lượng cao, tiến độ nhanh.
  - ✓ Thiết bị nâng hạ với đủ các loại cầu có sức nâng từ 10 tấn - 200 tấn.
  - ✓ Búa đóng cọc từ 3,5 - 10 tấn.
  - ✓ Đội sà lan từ 600 tấn - 2.500 tấn.

**6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ**

- Với mục tiêu tầm nhìn trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam và khu vực về lĩnh vực xây dựng công trình giao thông, cơ sở hạ tầng, công trình công nghiệp và dân dụng nên ngay từ những ngày đầu, Tổng công ty đặt ra phương châm chiến lược là: Chất lượng - Tiến độ - An toàn - Kinh tế. Do vậy, chất lượng sản phẩm dịch vụ luôn là yếu tố được Ban lãnh đạo Tổng công ty đặt lên hàng đầu và cán bộ công nhân viên luôn quán triệt tinh thần đó và nghiêm túc thực hiện.
- Chất lượng sản phẩm công trình được kiểm soát một cách chặt chẽ từ những ngày đầu thực hiện thi công cho đến khi nghiệm thu bàn giao công trình, từ kiểm soát chất lượng đầu vào cho đến các biện pháp thi công, mỗi cán bộ kỹ thuật thi công cũng đều “kiêm” vai trò của cán bộ kiểm tra chất lượng sản phẩm. Các cán bộ kiểm tra đều là những cán bộ có kinh nghiệm, được đào tạo một cách bài bản và có chứng chỉ hành nghề theo quy định.
- Ngoài ra trong toàn bộ quá trình xây dựng thi công công trình, Tổng công ty luôn phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan như đơn vị tư vấn giám sát để theo dõi, đo lường chất lượng công trình, đơn vị kiểm định để tiến hành lấy mẫu thí nghiệm kiểm tra việc tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, nhằm phát hiện kịp thời các sai sót nếu có và khắc phục ngay, luôn xác định hạng mục công việc trước là sản phẩm hoàn thiện để tiếp tục triển khai hạng mục công việc tiếp theo. Các đơn vị tư vấn giám sát và kiểm định đều là những đơn vị có nhiều kinh nghiệm, uy tín trong ngành và thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật. Tổng công ty luôn đảm bảo chất lượng công trình theo tiêu chuẩn ngành và tiêu chuẩn Việt Nam.
- Hiện nay, Tổng công ty đã xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 cho các lĩnh vực xây dựng cầu đường, cảng, sân bay, đường cao tốc và xây dựng cơ sở hạ tầng. Hệ thống này được áp dụng cho tất cả các công trình trong lĩnh vực trên do Tổng công ty đứng ra thực hiện với tư cách nhà thầu thi công hay chủ đầu tư (BOT, BT...) và không phân biệt hình thức điều hành là Ban quản lý điều hành dự án của Tổng công ty hay ủy quyền cho công ty thành viên thực hiện.
- Với phương châm chất lượng được đặt lên hàng đầu, các công trình mà Tổng công ty đã và đang thi công luôn đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu cao về chất lượng, thỏa mãn nhu cầu cao của khách hàng, đáp ứng hoàn thành đúng tiến độ thi công và đảm bảo an toàn.



**7. Hoạt động Marketing**

- Do đặc thù của Tổng công ty hoạt động chuyên trong lĩnh vực thi công công trình nên hoạt động marketing của Tổng công ty cũng khác so với một số ngành khác. Hiện tại, Tổng công ty không có phòng ban hay bộ phận chuyên trách riêng cho hoạt động này mà được một số cán bộ Phòng Dự án kiêm nhiệm thực hiện hoạt động marketing cho Tổng công ty.
- Trong thời gian qua, Tổng công ty cũng đã sử dụng đa dạng nhiều hình thức phương tiện truyền thông để đưa hình ảnh của Tổng công ty đến với công chúng và khách hàng thông qua các kênh báo chí, hội thảo, hội chợ, brochure, bảng thông tin công trình, hội nghị và hiệp hội. Ngoài ra, với uy tín lâu năm trong ngành với nhiều công trình lớn mang tầm cỡ quốc gia nên thương hiệu của Tổng công ty cũng được khẳng định trên thương trường.
- Ngoài những mối quan hệ sẵn có của Tổng công ty với các cơ quan bộ, ngành và với nhiều đối tác trên cả nước trong nhiều năm qua, Tổng công ty ký được nhiều hợp đồng nhờ uy tín và những cam kết mà Tổng công ty mang đến cho khách hàng về chất lượng công trình, tiến độ và giá cả hợp lý. Nhiều công trình mà Tổng công ty có được là nhờ sự giới thiệu của các khách hàng sẵn có.
- Mặt khác, trước xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, Tổng công ty cũng đang có tham vọng vươn ra thị trường quốc tế. Do vậy, trong thời gian tới, Tổng công ty cũng sẽ đẩy mạnh hơn nữa hoạt động marketing để thu hút thêm nhiều khách hàng tiềm năng trong và ngoài nước, mang thương hiệu Cienco 6 vươn ra thế giới.

**8. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

- Tổng công ty được Cục Sở hữu công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 47821 theo Quyết định số 3111/QĐ-ĐK ngày 18/06/2002 và Quyết định gia hạn số 36781/QĐ-SHTT ngày 28/09/2011, thời gian gia hạn đến 19/04/2022.
- Mẫu nhãn hiệu



- Màu sắc nhãn hiệu: Trắng, xanh dương, đỏ

**9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**



Bảng 6: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

| STT              | Ngày ký    | Đối tác                            | Nội dung  | Giá trị (đồng)            | Giá trị phần việc của Cienco6 |
|------------------|------------|------------------------------------|---|---------------------------|-------------------------------|
| <b>Tổng cộng</b> |            |                                    |   | <b>11.141.966.080.783</b> | <b>8.044.092.957.045</b>      |
| 1                | 25/12/2009 | Ban QLDA Nhiệt điện 3              | Gói 6 : Thi công hạng mục đường giao thông - Dự án cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Duyên Hải     | 89.868.026.000            | 89.868.026.000                |
| 2                | 13/01/2010 | Tổng Công ty ĐTVT Đường cao tốc VN | Gói 1B - Dự án đường cao tốc Tp.Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây                               | 1.649.530.693.076         | 1.649.530.693.076             |
| 3                | 11/2/2010  | Tổng Công ty ĐTVT Đường cao tốc VN | Gói 2 - Dự án đường cao tốc Tp.Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây                                | 1.553.179.167.066         | 1.553.179.167.066             |
| 4                | 25/01/2010 | Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh         | Gói 1 (Km0+000-Km2+000) - Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn - Đất Mũi, tỉnh Cà Mau    | 92.093.044.162            | 37.219.801.519                |
| 5                | 27/8/2012  | Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh         | Gói 4B Xây dựng nhịp cầu dẫn phía Năm Căn, nhịp chính 65+100+100/2, đốt hợp long và thiết kế BVTC | 295.815.855.713           | 72.351.448.760                |

|    |           |  |   |                   |                   |
|----|-----------|--|---|-------------------|-------------------|
| 6  | 10/3/2011 | Ban QLDA XD Đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai đoạn Km244-Km262   | Gói 4 : Xây dựng hoàn chỉnh đoạn Km249+300-Km250+300 dự án Đường cao tốc Nội bài Lào Cai Km244+155-Km262+353, tỉnh Lào Cai  | 736.490.352.632   | 468.034.114.150   |
| 7  | 1/7/2013  | Ban QLDA đường sắt đô thị (UBND TP.HCM)                        | Gói 2 - Xây dựng đoạn đi trên cao & Depot đoạn Bến Thành - Suối Tiên  | 1.071.585.755.368 | 1.071.585.755.368 |
| 8  | 7/1/2013  | Tổng công ty Phát triển Hạ tầng & Đầu tư Tài chính Việt Nam    | Gói XL EX1A (GĐ1) – Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng   | 782.145.364.787   | 586.609.023.591   |
| 9  | 31/5/2013 | Ban quản lý các dự án Đầu tư-Xây dựng Khu Công nghệ cao TP.HCM | Gói thi công xây lắp số 1 (Cầu, tường chắn, đường hai đầu cầu, đường gom, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, tổ chức giao thông và chiếu sáng) - Dự án XD đường GT D1 - GĐ2 Khu công nghệ cao TP.HCM | 262.700.709.000   | 179.632.461.000   |
| 10 | 9/9/2013  | PMU1   | Gói 3 - Mở rộng đoạn Km1613+000-Km1623+000 Dự án ĐT XDCT mở rộng QL1 đoạn Km1589+300-Km1642 và Km1692+000-Km1720+800 tỉnh Bình Thuận  | 232.164.801.403   | 232.164.801.403   |

|    |            |   |  |                   |                   |
|----|------------|---|--|-------------------|-------------------|
| 11 | 6/12/2013  | PMU1                                      | Gói 7 - Mở rộng đoạn Km1701+200-Km1715+500 Dự án ĐT XDCT mở rộng QL1 đoạn Km1589+300-Km1642 và Km1692+000-Km1720+800 tỉnh Bình Thuận | 408.877.402.925   | 408.877.402.925   |
| 12 | 28/11/2013 | Tổng công ty ĐTPPT đường cao tốc Việt Nam | Gói 3B (Km18+100-Km21+500) dự án xây dựng Đường cao tốc Bắc Nam Đoạn Đà Nẵng - Quảng Ngãi  | 1.535.928.599.514 | 1.208.723.000.360 |
| 13 | 20/12/2013 | Tổng công ty ĐTPPT đường cao tốc Việt Nam | Gói 2 (Km8+000-Km16+880) dự án xây dựng Đường cao tốc Bắc Nam Đoạn Đà Nẵng - Quảng Ngãi  | 2.431.586.309.137 | 486.317.261.827   |

Nguồn: Cienco 6

## 10. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Bảng 7: Tình hình tài chính của Tổng công ty

| Stt | Chỉ tiêu                        | Đơn vị tính | 2010      | 2011      | 2012      | Bình quân 3 năm | Ước thực hiện 2013 | Năm 2013 /2012 (%) |
|-----|---------------------------------|-------------|-----------|-----------|-----------|-----------------|--------------------|--------------------|
| 1   | Tổng giá trị sản lượng          | Triệu đồng  | 917.526   | 2.006.635 | 2.192.301 | 1.705.487       | 2.420.655          | 110,42             |
| 1.1 | Giá trị xây lắp                 | Triệu đồng  | 915.324   | 1.998.609 | 2.183.721 | 1.699.218       | 2.405.155          | 110,14             |
| 1.2 | Giá trị sản xuất khác           | Triệu đồng  | 2.202     | 7.799     | 8.579     | 6.193           | 15.500             | 180,67             |
| 2   | Vốn điều lệ đăng ký             | Triệu đồng  | 194.072   | 194.072   | 538.227   | 308.790         | 538.227            | 100,00             |
| 3   | Tổng giá trị tài sản            | Triệu đồng  | 1.253.500 | 1.043.606 | 1.237.786 | 1.178.297       | 1.361.565          | 110,00             |
| 4   | Nợ vay ngắn hạn                 | Triệu đồng  | 136.874   | 84.294    | 142.127   | 121.098         | 156.340            | 110,00             |
|     | <i>Trong đó, nợ quá hạn</i>     | Triệu đồng  | -         | -         | -         | -               | -                  | -                  |
| 5   | Nợ vay dài hạn                  | Triệu đồng  | 120.162   | 134.489   | 134.937   | 129.863         | 116.876            | 86,62              |
|     | <i>Trong đó, nợ quá hạn</i>     | Triệu đồng  | 113.163   | 130.730   | 133.057   | 125.650         | -                  | 0,00               |
| 6   | Nợ phải thu khó đòi             | Triệu đồng  | -         | -         | -         | -               | -                  | -                  |
| 7   | Tổng doanh thu và thu nhập khác | Triệu đồng  | 825.773   | 1.866.171 | 1.863.456 | 1.518.467       | 2.057.557          | 110,42             |
|     | <i>Trong đó doanh thu thuần</i> | Triệu đồng  | 798.292   | 1.840.372 | 1.838.152 | 1.492.272       | 2.032.557          | 110,58             |

|    |   |            |         |           |           |           |           |        |
|----|---|------------|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|--------|
| 8  | Tổng chi phí                                    | Triệu đồng | 810.811 | 1.855.905 | 1.852.283 | 1.506.333 | 2.046.234 | 110,47 |
| 9  | Lợi nhuận trước thuế                            | Triệu đồng | 14.962  | 10.266    | 11.173    | 12.134    | 11.323    | 101,34 |
| 10 | Lợi nhuận sau thuế                              | Triệu đồng | 13.745  | 10.201    | 11.162    | 11.703    | 11.312    | 101,34 |
| 11 | Nộp ngân sách Nhà nước                          | Triệu đồng | 2.414   | 2.826     | 2.768     | 2.669     | 3.060     | 110,55 |
|    | Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp             | Triệu đồng | 1.217   | 65        | 11        | 431       | 11        | 100,00 |
| 12 | Tổng số lao động                                | Người      | 485     | 491       | 467       | 481       | 430       | 92,08  |
| 13 | Thu nhập bình quân người lao động (người/tháng) | Ngàn đồng  | 5.401   | 6.185     | 7.459     | 6.348     | 7.700     | 103,23 |

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Cienco 6

- Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đều hoàn thành kế hoạch và tăng trưởng cao, cụ thể như sau:  
Trong 3 năm từ năm 2010 đến năm 2012:
  - ✓ Giá trị sản lượng bình quân đạt 1.705 tỷ đồng/năm, tăng trưởng bình quân 45,58%;
  - ✓ Doanh thu thuần bình quân đạt 1.492 tỷ đồng/năm, tăng trưởng bình quân là 48,73%;
  - ✓ Lợi nhuận trước thuế bình quân đạt 12 tỷ đồng/năm, tăng trưởng bình quân là 22,73%;
  - ✓ Nộp ngân sách nhà nước bình quân đạt 2,67 tỷ đồng/năm, tăng bình quân 32,77%.
- Ước thực hiện năm 2013 hầu hết các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều hoàn thành kế hoạch và tăng trưởng so với năm 2012.

**Đánh giá chung về tình hình tài chính**

- Tổng Công ty quản lý tài chính chặt chẽ theo đúng chế độ. Nhiều chỉ tiêu tài chính được cải thiện: Khả năng thanh toán hầu hết trong ngưỡng an toàn; Vốn Chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển; Đầu tư và phân kỳ vốn đầu tư hợp lý tại các doanh nghiệp khác tiếp tục đem lại hiệu quả cho Tổng Công ty và các doanh nghiệp. Lợi nhuận trước thuế/vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2012 Công ty mẹ đạt 4,50%, tăng nhẹ so với năm 2011 chỉ đạt 4,22%. Năm 2012, hầu hết các đơn vị đều có lãi; Tổng Công ty tích cực xử lý các tồn tại tài chính.
- Đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, tài chính của Công ty mẹ còn nợ xấu và nợ quá hạn gồm nợ ODA Trung Quốc và nợ khó đòi từ các doanh nghiệp thành viên gồm: Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng công trình 623, Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 675, Công ty cổ phần Xây dựng công trình và khai thác Đá 621, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình, Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 710, Công ty cổ phần Vật tư thiết bị và xây dựng công trình 624. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp thành viên không hiệu quả, nhiều năm không có cổ tức như Công ty cổ phần Xây dựng công trình và khai thác Đá 621, Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng công trình 623, Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 675, Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 710, Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư khai thác hạ tầng đô thị Miền Nam,...

**11. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm báo cáo****Thuận lợi**

- Các chính sách đổi mới của Nhà nước trong công tác quản lý đầu tư, tín dụng ngày càng thông thoáng tạo điều kiện cho Tổng công ty đầu tư nâng cao năng lực về vốn và thiết bị, đổi mới công nghệ, tăng năng lực sản xuất để nhanh chóng thích ứng khi Việt Nam hội nhập hoàn toàn với khu vực và quốc tế.
- Với những kinh nghiệm đã được tích lũy trong nhiều năm khi thực hiện các dự án do nước ngoài làm chủ đầu tư hoặc tư vấn giám sát, Tổng công ty ngày càng khẳng định khả năng cung cấp sản phẩm và dịch vụ với chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe

mà các nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức quốc tế tài trợ đặt ra. Tổng công ty đã phát huy được thế mạnh này để thiết lập và giữ vững mối quan hệ tốt với các nhà thầu nước ngoài.

- Với công suất của các máy móc thiết bị, công nghệ mới hiện nay, Tổng công ty vẫn còn khả năng tận dụng để sản xuất các loại sản phẩm khác ngoài các sản phẩm truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Từ đó góp phần làm giảm giá thành sản phẩm thông qua việc giảm chi phí khấu hao trên từng đơn vị sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh về giá cả trên thị trường, đồng thời vẫn đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh của Tổng công ty.
- Công tác quản lý, điều hành sản xuất được thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008; đảm bảo quy trình, chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín của Tổng công ty trên thị trường.
- Cán bộ, công nhân viên Tổng công ty hiện nay đã trưởng thành, đủ năng lực cũng như kinh nghiệm để đưa hoạt động của Tổng công ty đi lên, đảm bảo kế hoạch đề ra và đạt được lợi nhuận cao.
- Tổng công ty đã thiết lập được mối quan hệ, gắn bó lâu dài với các khách hàng truyền thống, mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng và ngân hàng. Với chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện, Tổng công ty sẽ có cơ hội hợp tác và phát triển thị trường sang các nước trong khu vực cũng như thực hiện việc liên doanh, liên kết với các công ty xây dựng để tận dụng hết khả năng, kinh nghiệm và trang thiết bị thi công.
- Với những thành công của Tổng công ty đã đạt được trong suốt những năm gần đây, đồng thời được sự hỗ trợ và chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải cùng các cơ quan, ban, ngành từ Trung ương tới địa phương, lãnh đạo Tổng công ty đoàn kết khắc phục những khó khăn, quyết tâm đổi mới, thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định, đường lối chủ trương của Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải.

### **Khó khăn**

- Trong năm 2012, với việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ, hàng loạt dự án của ngành giao thông vận tải bị ảnh hưởng nghiêm trọng do không có vốn, nhiều công trình phải ngừng thi công hoặc thi công cầm chừng. Điều này khiến không ít các doanh nghiệp lao đao, sản lượng sụt giảm. Sang năm 2013, những khó khăn vẫn còn rất lớn bởi nguồn vốn cho xây dựng cơ bản giao thông chưa được cải thiện, các dự án bị đình hoãn,



giãn tiến độ vẫn chưa có dấu hiệu được khởi động lại, nội lực của các doanh nghiệp suy yếu.

- Tổng công ty còn rất nhiều dự án do các Ban Quản lý thuộc Bộ Giao thông vận tải và các tỉnh, thành phố làm đại diện chủ đầu tư đã thi công từ lâu nhưng chưa quyết toán và đối chiếu công nợ được do chờ kiểm toán, thanh tra...
- Tổng công ty hiện đang phải trả vốn và lãi với số nợ rất lớn (120 tỷ đồng) do vay hộ các công ty trực thuộc để mua thiết bị theo chương trình vốn vay ODA của Trung Quốc từ năm 2000. Hiện nay các công ty này đã chuyển thành công ty cổ phần và đang gặp rất nhiều khó khăn về vốn nên khó có khả năng trả cho Tổng công ty được đầy đủ, đúng hạn.
- Tổng công ty còn nợ tồn đọng rất lớn. Một số công trình Tổng công ty thi công hoàn thành, được nghiệm thu, quyết toán và một số công trình đang quyết toán nhưng đến nay còn tồn đọng chưa được thanh toán dứt điểm, bao gồm nợ từ các chủ đầu tư thuộc Bộ Giao thông vận tải và các chủ đầu tư khác. Trong khi đó Tổng công ty phải vay Ngân hàng để thi công.
- Vốn điều lệ của Tổng công ty còn thấp đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính; chưa đủ khả năng đáp ứng việc phát triển sản xuất kinh doanh và các mục tiêu chiến lược của Tổng công ty.

#### **✚ Những cơ hội và thách thức đối với Tổng công ty**

Hiện nay, Chính phủ đang tiến hành đẩy mạnh tái cấu trúc nền kinh tế, trong thời gian sắp tới, nền kinh tế Việt Nam dần đi vào ổn định và có nhiều chuyển biến tích cực. Với thị trường xây dựng hạ tầng giao thông còn rất rộng lớn, Tổng công ty còn nhiều cơ hội phát triển. Tuy nhiên, để đạt được thành công, Tổng công ty cũng phải vượt qua không ít thách thức như:

- Trong bối cảnh ngành giao thông vận tải đang gặp phải rất nhiều khó khăn, Tổng công ty và các công ty thành viên phải nỗ lực tìm kiếm cơ hội kinh doanh, mở rộng liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tham gia các dự án có nguồn vốn quốc tế, tìm thêm việc làm tại các dự án ngoài ngân sách để đảm bảo được sản lượng và doanh thu.
- Những năm gần đây, nhiều công ty xây dựng nước ngoài tham gia vào thị trường Việt Nam, cùng với sự lớn mạnh của các công ty trong nước nên Tổng công ty luôn phải cạnh tranh mạnh mẽ trong hoạt động của mình.

- Công nghệ và thiết bị đã được đầu tư đổi mới nhưng số lượng còn ít, chưa tương xứng với quy mô, khả năng hoạt động của Tổng công ty và chưa theo kịp công nghệ tiên tiến trên thế giới.
- Hầu hết vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty là vốn vay ngân hàng, phụ thuộc vào cơ chế cho vay của ngân hàng, dẫn đến tình trạng thiếu chủ động trong sản xuất và hiệu quả kinh tế không cao do phải chịu chi phí lãi vay lớn.

## **12. Vị thế của Tổng công ty**

### **12.1 Vị thế của Tổng công ty**

#### **+ Thị phần**

- Tổng Công ty chủ yếu khai thác thị trường miền Nam và miền Trung, từ Đà Nẵng trở vào, có một số dự án, công trình tại khu vực miền Bắc. Trong năm 2012, giá trị sản lượng của toàn Tổng Công ty và các công ty thành viên đạt trên 5.757 tỷ đồng đóng góp một phần lớn vào sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực và cả nước trong đó Tổng công ty đạt 2.192 tỷ đồng, chiếm một phần lớn thị phần xây dựng công trình giao thông tại phía Nam.
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty không phải là lĩnh vực mà doanh nghiệp nhà nước nắm giữ vị thế độc quyền nên nhiều doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước đã có sự đầu tư mạnh về thiết bị kỹ thuật công nghệ trở thành các đối thủ cạnh tranh lớn đối với Tổng công ty. Trong những năm qua, Tổng công ty đã phải cạnh tranh công việc, dự án với nhiều doanh nghiệp xây dựng trong nước và cả nước ngoài, vì thế thị phần của Tổng công ty tại thị trường xây dựng công trình giao thông phía Nam đã bị giảm nhiều về tỷ lệ. Bên cạnh đó, do sự phát triển nhanh chóng của thị trường, hoạt động xây dựng công trình giao thông tăng nhanh về số lượng, về giá trị đầu tư, trong khi đó sự phát triển của Tổng công ty chưa đủ mạnh để có khả năng chiếm lĩnh thị trường.

#### **+ Khách hàng, đối tác chiến lược**

- Khách hàng chủ yếu của Tổng Công ty là các chủ đầu tư dự án, công trình về xây dựng cơ bản như cầu, đường giao thông; hầm cho giao thông, thủy điện; sân bay; bến cảng; hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, cao ốc, khu công nghiệp,...
- Tổng Công ty còn đầu tư nhà xưởng, thiết bị để sản xuất, kinh doanh cấu kiện đúc sẵn, vật liệu xây dựng, cấu kiện thép,... để cung ứng cho các doanh nghiệp thi công công trình giao thông và đã tạo được uy tín, thị phần trên thị trường này.

- Do đặc điểm của tổ chức, do lịch sử hình thành của Tổng Công ty nên đối tác chiến lược của Tổng Công ty là các đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Giao thông vận tải, đơn vị quản lý nhà nước về lĩnh vực giao thông vận tải. Căn cứ Chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì từ nay đến năm 2020, Bộ Giao thông vận tải sẽ triển khai rất nhiều dự án, công trình giao thông. Tổng Công ty tiếp tục quan hệ chặt chẽ với Bộ và các ban, ngành liên quan để có thông tin về dự án, công trình và tham gia đấu thầu.
- Ngoài ra, trong bối cảnh khó khăn chung của ngành xây dựng cơ bản do thiếu vốn, các công trình vốn ngân sách bị tạm ngưng hoặc thi công gián đoạn, Tổng Công ty đã và sẽ tìm kiếm việc làm từ các đối tác trong và ngoài nước, các nhà đầu tư có tiềm năng để có thêm công trình, có vốn thi công trong khi chờ giải ngân các công trình khác.

### **✚ Đối thủ cạnh tranh**

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty luôn có nhiều biến động phức tạp, nhiều đối thủ cạnh tranh cùng chia sẻ thị trường. Trước đây, thị trường xây dựng cơ bản trong nước vốn là của riêng các doanh nghiệp Nhà nước thì nay đã trở thành thị trường chung, cùng với sự tham gia của các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế trong nước và cả nước ngoài.
- Tại thị trường xây dựng cơ bản phía Nam hiện nay, Tổng Công ty đang phải cạnh tranh với rất nhiều doanh nghiệp. Trong số đó, nhiều doanh nghiệp có tiềm lực lớn, được đầu tư thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, nhất là các doanh nghiệp nước ngoài đã có nhiều lợi thế khi đấu thầu các công trình.
- Với tính cạnh tranh khốc liệt, đòi hỏi Tổng Công ty phải đầu tư mạnh về năng lực thiết bị, về nhân lực, về công nghệ và nhất là về vốn để khi trúng thầu công trình, có thể thi công hoàn thành tốt dự án, nâng cao uy tín của doanh nghiệp.

## **12.2 Triển vọng phát triển của ngành**

### **✚ Tổng quan thị trường**

- Chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã nhận định, Giao thông vận tải cần được ưu tiên phát triển để tạo tiền đề cho các ngành khác phát triển phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Định hướng phát triển các ngành kinh tế và các vùng của Đảng và Nhà nước cũng đã chỉ rõ: Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến khu vực, đáp ứng nhu cầu trong nước

và có khả năng xây dựng các công trình ở nước ngoài, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng, năng lực và thẩm mỹ.

- Trong những năm gần đây, nước ta đã đầu tư, xây dựng và nâng cấp các tuyến quốc lộ và đường liên vùng, xây mới nhiều tuyến đường cao tốc, đường sắt, đường bộ, đường hàng không và cảng biển. Tuy nhiên, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông của nước ta vẫn còn thiếu hụt. Vì vậy, đến năm 2020, để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống giao thông sẽ được đầu tư lớn theo hướng hiện đại, tạo thành mạng lưới giao thông vận tải hoàn chỉnh, liên hoàn, liên kết được các phương thức vận tải, đảm bảo giao lưu thông suốt, nhanh chóng, an toàn và thuận lợi, tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực.

#### **📌 Dự báo thị trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

- Căn cứ nội dung quy hoạch phát triển giao thông vận tải về hàng không, về đường bộ, về hệ thống cảng biển đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì hoạt động đầu tư, xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông còn một khối lượng công việc rất lớn. Về giao thông đường bộ là việc đầu tư, nâng cấp hoàn chỉnh hệ thống quốc lộ, đường bộ cao tốc, đường bộ ven biển, đường hành lang biên giới, hệ thống đường tỉnh, giao thông đường bộ đô thị và giao thông nông thôn. Về giao thông đường hàng không là việc đầu tư, nâng cấp các cảng hàng không, gồm có 10 cảng hàng không quốc tế và 16 cảng hàng không nội địa. Về giao thông đường biển là việc tập trung xây dựng một số cảng nước sâu cho tàu trọng tải lớn đạt tiêu chuẩn quốc tế và phát triển bến cảng tại các huyện đảo.
- Quy hoạch phát triển giao thông vận tải nêu trên là những định hướng thuận lợi về thị trường cho Tổng công ty, Tổng công ty cần phải đầu tư phát triển để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành. Trước mắt, trong giai đoạn 2014 - 2016, Tổng công ty tập trung nguồn lực, tham gia đấu thầu thi công các dự án, công trình sau:
  - ✓ Cầu Bình Khánh và cầu Phước Khánh thuộc Dự án Đường cao tốc Bến Lức - Long Thành.
  - ✓ Tuyến Metro số 2, số 3, số 4, số 5 (Tp. Hồ Chí Minh).
  - ✓ Cầu Cao Lãnh (Đồng Tháp).
  - ✓ Cầu Vàm Cống (Đồng Tháp - An Giang).


- ✓ Cải tạo nâng cấp sân bay Tân Sơn Nhất, Cần Thơ, Phú Quốc, Đà Nẵng, Nội Bài, Cam Ranh.
- ✓ Sân bay Quốc tế Long Thành.
- ✓ Đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu.
- ✓ Đường cao tốc liên vùng phía Nam Tp.Hồ Chí Minh (Bến Lức - Nhơn Trạch - Long Thành).
- ✓ Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi.
- ✓ Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận - Cần Thơ.
- ✓ Dự án Hàm đường bộ qua Đèo Cả.
- ✓ Và các dự án khác.

### **12.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty**

Việt Nam có môi trường chính trị, xã hội và pháp luật khá ổn định; Kinh tế hội nhập sâu rộng và tốc độ tăng trưởng khá cao. Triển vọng ngành xây lắp các công trình giao thông khá tốt khi Nhà nước tập trung nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; Chính phủ và các địa phương tập trung quy hoạch và xây dựng nhiều quyết sách hỗ trợ phát triển giao thông vận tải.

Do vậy, định hướng phát triển của Tổng công ty là phù hợp với sự phát triển tất yếu của ngành và của xã hội. Với việc tiếp tục phát huy thế mạnh của mình trong việc xây dựng công trình giao thông và việc tiếp tục tập trung vào ngành nghề chính của Tổng công ty như hiện nay là phù hợp với sự phát triển bền vững và lâu dài của Tổng công ty trong tương lai.

**PHẦN III****PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA****I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA****1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa**

- Tên tiếng việt: Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6  
- Công ty cổ phần
- Tên giao dịch Tiếng Việt: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6
- Tên giao dịch quốc tế: Civil Engineering Construction Corporation No  
6 - JSC
- Tên giao dịch viết tắt: CIENCO 6
- Biểu tượng:  

- Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình  
Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08.3510.1863
- Fax: 08.3510.1858
- Email: [cienco6@cienco6.vn](mailto:cienco6@cienco6.vn)
- Website: [www.cienco6.vn](http://www.cienco6.vn)

**2. Hình thức pháp lý**

Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; được mở tài khoản tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài; được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Sau khi cổ phần hóa, Tổng công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến**

Kế thừa các ngành nghề kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp theo giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 0300487137 cấp ngày 25/01/2011 bao gồm:

**+ Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:**

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (mã ngành: 4210);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành: 4290) gồm Xây dựng các công trình công nghiệp, Xây dựng sân bay, Xây dựng bến cảng và các công trình trên sông, Xây dựng đường hầm.

**+ Ngành, nghề kinh doanh liên quan trực tiếp ngành, nghề kinh doanh chính**

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (mã ngành: 4210);
- Xây dựng công trình công ích (mã ngành: 4220);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành: 4290);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (mã ngành: 0810);
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng (mã ngành: 1622);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (mã ngành: 2392);
- Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao (mã ngành: 2394);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (mã ngành: 2395);
- Sản xuất sắt, thép, gang (mã ngành: 2410);
- Đúc sắt thép (mã ngành: 2431);
- Đúc kim loại màu (mã ngành: 2432);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (mã ngành: 2511);
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (mã ngành: 2512);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (mã ngành: 2592);
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng (mã ngành: 2824);
- Đóng tàu và cấu kiện nổi (mã ngành: 3011);
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (mã ngành: 3311);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (mã ngành: 3312);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (mã ngành: 3315);
- Xây dựng nhà các loại (mã ngành: 4100);
- Phá dỡ (mã ngành: 4311);
- Chuẩn bị mặt bằng (mã ngành: 4312);
- Lắp đặt hệ thống điện (mã ngành: 4321);



- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (mã ngành: 4322);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (mã ngành: 4329);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (mã ngành: 4330);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (mã ngành: 4390);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện) (mã ngành: 4520);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (mã ngành: 4610);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (mã ngành: 4659);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (mã ngành: 4662);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (mã ngành: 4663);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (mã ngành: 4752);
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (mã ngành: 4931);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (mã ngành: 4932);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (mã ngành: 4933);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (mã ngành: 5012);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (mã ngành: 5022);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (mã ngành: 5210);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp) (mã ngành: 5510);
- Kinh doanh bất động sản (mã ngành: 6810);
- Tư vấn, đấu giá bất động sản; đấu giá quyền sử dụng đất (mã ngành: 6820);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (mã ngành: 7110);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (mã ngành: 7120);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (mã ngành: 7410);
- Cho thuê xe có động cơ; (mã ngành: 7710);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (mã ngành: 7730);
- Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; (mã ngành: 7810);
- Cung ứng lao động tạm thời (mã ngành: 7820);

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (trừ cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài) (mã ngành: 7830);
- Giáo dục nghề nghiệp (trừ giáo dục trung cấp chuyên nghiệp) (mã ngành: 8532);
- Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

**✚ Các sản phẩm chủ yếu của Tổng Công ty là:**

- Công trình đường bê tông asphalt, bê tông xi măng; cầu vượt; đường cao tốc; đường, bãi chuyên dụng; cảng hàng không; cầu cảng các loại trên sông, biển, nhất là cảng nước sâu.
- Đường hạ, cất cánh sân bay các loại (đường băng, đường lăn, sân đỗ sân bay).
- Công trình hầm cho giao thông, thủy điện.
- Cầu kiện bê tông đúc sẵn phục vụ các công trình giao thông và xây dựng.
- Cầu bê tông cốt thép có khẩu độ lớn, cầu dây văng, dây võng, cầu bê tông liên hợp.
- Kết cấu móng đường cho mọi địa hình, địa chất.
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, cao ốc, khu công nghiệp.
- Sản xuất vật liệu xây dựng: bê tông asphalt, đá chất lượng cao, cấp phối liên tục, cầu kiện thép như dàn thép, thiết bị thi công và coffa thép lắp ghép.

#### **4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ**

##### **4.1 Căn cứ xác định vốn điều lệ**

Giá trị doanh nghiệp, giá trị phần vốn Nhà nước của Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 6 thời điểm ngày 30/6/2013 theo Quyết định số 3168/QĐ-BGTVT ngày 10/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30/6/2013 là **1.602.217.873.290** đồng. Trong đó: Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **460.546.297.426** đồng

##### **4.2 Quy mô vốn điều lệ**

- Vốn điều lệ : 600.000.000.000 đồng.
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phần : 60.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông.

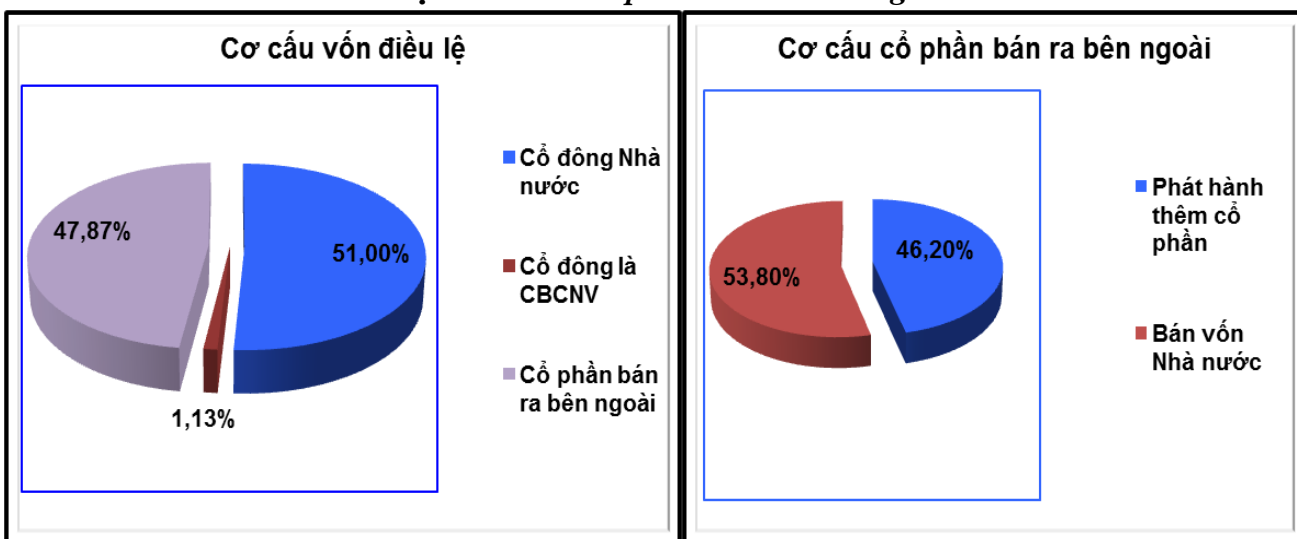
## 4.3 Cơ cấu vốn điều lệ

Bảng 8: Cổ phần nắm giữ của các cổ đông

| Stt   | Cổ đông  | Tỷ lệ nắm giữ (%) | Số cổ phần (CP)   | Giá trị cổ phần (đồng) |
|-------|--|-------------------|-------------------|------------------------|
| 1     | Cổ đông Nhà nước   | 51,00%            | 30.600.000        | 306.000.000.000        |
| 2     | Cổ đông là CBCNV (2.1+2.2)   | 1,13%             | 675.900           | 6.759.000.000          |
| 2.1   | Cổ phần bán giá ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất                                   | 0,59%             | 353.800           | 3.538.000.000          |
| 2.2   | Cổ phần đăng ký mua thêm theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp (2.2.1 + 2.2.2) | 0,54%             | 322.100           | 3.221.000.000          |
| 2.2.1 | Mua thêm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP (200 CP/1năm)        | 0,08%             | 45.600            | 456.000.000            |
| 2.2.2 | Mua thêm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP (500 CP/1 năm)       | 0,46%             | 276.500           | 2.765.000.000          |
| 3     | Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư (3.1+3.2)   | 47,87%            | 28.724.100        | 287.241.000.000        |
| 3.1   | Cổ phần phát hành thêm   | 22,11%            | 13.269.470        | 132.694.700.000        |
| 3.2   | Cổ phần Nhà nước bán bớt   | 25,76%            | 15.454.630        | 154.546.300.000        |
|       | <b>Cộng</b>  | <b>100,00%</b>    | <b>60.000.000</b> | <b>600.000.000.000</b> |

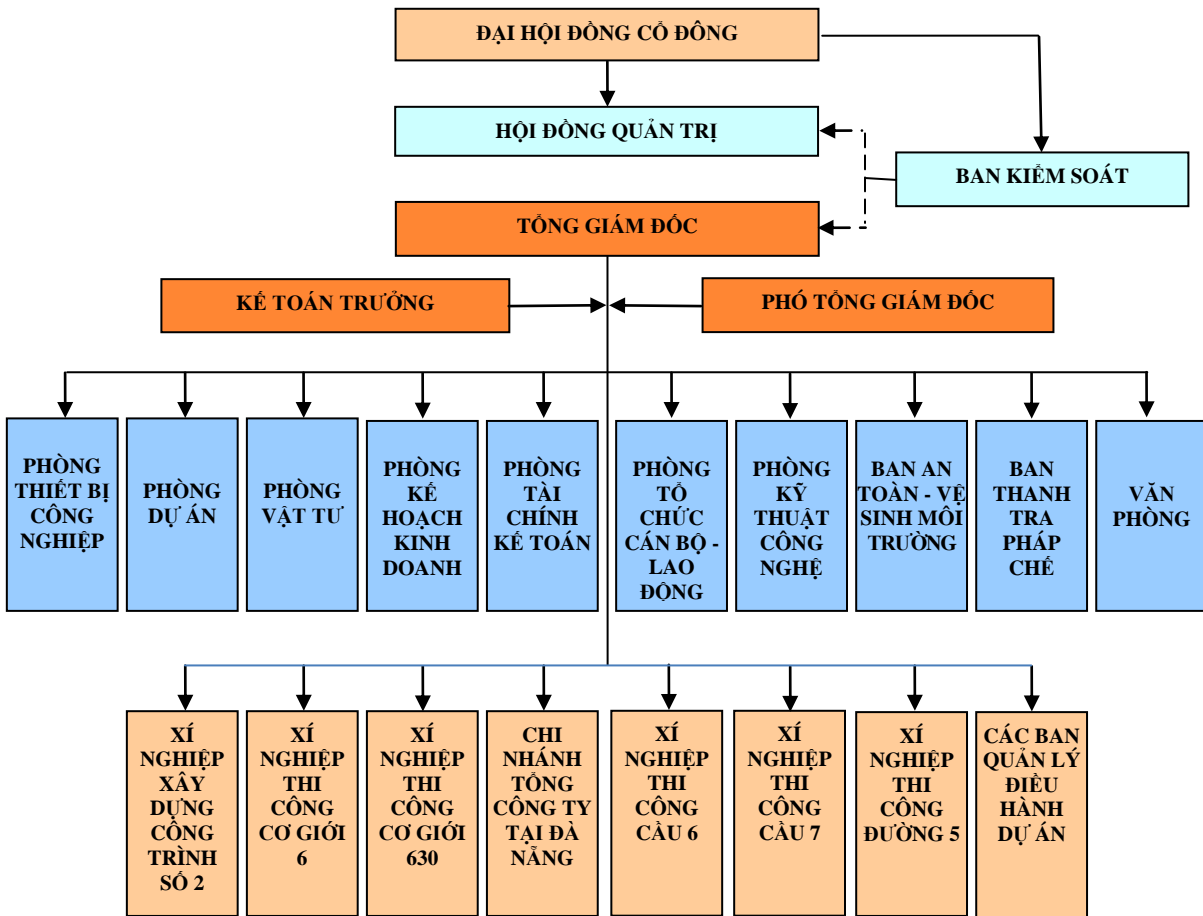
Nguồn: Phương án cổ phần hóa Cienco 6

Biểu đồ 3: Cơ cấu vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần bán ra bên ngoài



**5. Cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần sau cổ phần hóa**

*Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty sau cổ phần hóa*



*Nguồn: Phương án cổ phần hóa Cienco 6*

**Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

**Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự kiến là 07 thành viên (gồm Chủ tịch và 06 thành viên).

**+ Ban kiểm soát**

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát dự kiến là 03 thành viên (gồm Trưởng ban và 02 thành viên).

**+ Ban Tổng giám đốc (Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc)**

- Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Giúp Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty có các Phó Tổng giám đốc do Tổng giám đốc đề nghị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- Số lượng Ban Tổng giám đốc dự kiến là 07 thành viên (gồm Tổng giám đốc và 06 Phó Tổng giám đốc).

**+ Kế toán trưởng**

- Kế toán trưởng do Tổng giám đốc đề nghị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

**+ Các phòng ban chức năng**

- Phòng Tổ chức cán bộ - Lao động.
- Phòng Tài chính - Kế toán.
- Phòng Kế hoạch - Kinh doanh.
- Phòng Vật tư.
- Phòng Dự án.
- Phòng Kỹ thuật - Công nghệ.
- Phòng Thiết bị - Công nghiệp.
- Ban An toàn - Vệ sinh môi trường.
- Ban Thanh tra - Pháp chế.
- Văn phòng.

**+ Các chi nhánh của Công ty cổ phần**

- Chi nhánh Tổng công ty tại Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Thi công cơ giới 6.
- Xí nghiệp Thi công cơ giới 630.
- Xí nghiệp Xây dựng công trình số 2.

**+ Các xí nghiệp (không có mã số thuế, không có con dấu và không có hóa đơn riêng)**

- Xí nghiệp Thi công cầu 6.
- Xí nghiệp Thi công cầu 7.
- Xí nghiệp Thi công đường 5.

**+ Các Ban Quản lý Điều hành dự án được thành lập theo từng dự án công trình thi công**

## **II. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SAU CỔ PHẦN HÓA**

### **1. Một số dự báo**

#### **1.1. Tình hình kinh tế - xã hội**

- Khủng hoảng kinh tế, bất ổn chính trị - xã hội, biến đổi khí hậu trên thế giới vẫn là nhân tố gây bất ổn, khó lường. Quá trình tái cấu trúc nền kinh tế và điều chỉnh các thể chế tài chính toàn cầu sẽ diễn ra mạnh mẽ, gắn với những bước tiến mới về khoa học, công nghệ và sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên.
- Kinh tế Việt Nam theo dự báo của một số tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, giai đoạn 2012-2015 tỷ lệ lạm phát sẽ giảm xuống mức bình quân 7,8%/năm, tăng trưởng giữ ở mức 6,8%/năm. Tiêu dùng cá nhân sẽ tiếp tục suy giảm do quan ngại về tình hình kinh tế khó khăn. Năng lực cạnh tranh quốc gia, ngành công nghiệp phụ trợ và khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp tiếp tục khó khăn hơn.

#### **1.2. Đặc điểm tình hình ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty**

- Giao thông vận tải được xem là một bộ phận quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, được Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển nhanh, bền vững nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Ngày 03/3/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 35/2009/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, định hướng phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, hệ thống giao thông vận tải nước ta cơ bản đáp ứng nhu cầu vận tải đa dạng của xã hội với mức tăng trưởng nhanh, đảm bảo chất lượng ngày càng cao, giá thành hợp lý; kiểm chế tiến tới giảm sự gia tăng tai nạn giao thông và hạn chế ô nhiễm môi trường. Về tổng thể, hình thành được một hệ thống giao thông vận tải hợp lý giữa các phương thức vận tải và các hành lang vận tải chủ yếu đối với các mặt hàng chính có khối lượng lớn.
- Chiến lược đã khẳng định tầm nhìn đến năm 2030 sẽ cơ bản hoàn thiện mạng lưới giao thông vận tải trong cả nước cũng như các hành lang giao thông đối ngoại. Chất lượng vận tải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quốc tế: êm thuận, nhanh chóng, an toàn và kết nối hợp lý giữa các phương thức vận tải, nhất là các điểm chuyển tải hành khách đường dài với vận tải hành khách tại các đô thị.



- Mục tiêu phát triển về kết cấu hạ tầng giao thông đã được nêu rõ trong Quyết định số 35/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể là các mục tiêu phát triển về:
  - ✓ Trục dọc Bắc - Nam.
  - ✓ Khu vực phía Bắc: Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông khu vực phía Bắc với trọng tâm là vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
  - ✓ Khu vực miền Trung - Tây Nguyên: Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông khu vực miền Trung - Tây Nguyên, trọng tâm là vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
  - ✓ Khu vực phía Nam: Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông khu vực phía Nam với trọng tâm là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- Các nội dung của chiến lược về định hướng phát triển mạng lưới, cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy nội địa, hàng không, giao thông đô thị, giao thông nông thôn, có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sẽ có tác động, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển Tổng công ty.

## **2. Mục tiêu, định hướng và chiến lược phát triển công ty cổ phần**

Thực hiện Văn bản số 7273/BGTVT-KHĐT ngày 31/08/2012 của Bộ Giao thông vận tải về việc Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Cienco 6 giai đoạn 2012-2015, Quyết định số 281/QĐ-TCT6-HĐTV về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6 giai đoạn 2012-2015 và Quyết định số 1419/QĐ-BGTVT ngày 19/06/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6; Trên cơ sở những dự báo, nhận định tình hình mới, Tổng Công ty xây dựng mục tiêu, định hướng của công ty cổ phần như sau:

### **2.1 Mục tiêu**

- Xây dựng Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 6 – Công ty cổ phần mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.

**2.2 Định hướng**

- Liên kết đối tác chiến lược có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết nội khối tạo nhiều cơ hội, tạo nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- Định hướng ngành nghề và sản phẩm: Tăng trưởng mạnh, vững chắc, tập trung phát triển các ngành nghề kinh doanh chính, tạo lợi thế cạnh tranh ở những sản phẩm dịch vụ truyền thống đã được khẳng định trên thị trường.
- Về kỹ thuật, công nghệ: Từng bước đổi mới công nghệ thi công, trang bị thiết bị tiên tiến, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh ngày càng cao, tăng trưởng chất lượng tạo ra giá trị gia tăng cao.
- Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp, văn hóa doanh nghiệp.
- Tập trung nguồn lực, phát triển ngành nghề kinh doanh chính và phát triển các loại hình dịch vụ, các loại hình kinh doanh mới. Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành xây dựng giao thông hiện đại, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để đổi mới công nghệ trong thi công nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận.
- Đào tạo và xây dựng một đội ngũ cán bộ, công nhân viên của Tổng công ty có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có tầm nhìn đáp ứng được mọi yêu cầu của công việc trong các dự án lớn đồng thời có bản lĩnh chính trị và đạo đức, lối sống tốt.
- Cùng với các Tổ chức Đảng, Đoàn thể chăm lo thật tốt đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên Tổng công ty, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng để đưa Tổng công ty từng bước vững mạnh hơn so với trước đây.

**2.3 Chiến lược tổng thể**

Tổng công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào thi công; xây dựng CIENCO 6 trở thành một doanh nghiệp phát triển, mạnh toàn diện trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông.

- **Về sản phẩm:** Phát triển đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ. Ưu tiên cho việc phát triển các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần và sản phẩm có tính công nghệ, kỹ

thuật cao. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm, dịch vụ mà Tổng công ty có tiềm năng và lợi thế.

- **Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị, đấu thầu nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Tổng công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tiếp cận thị trường quốc tế.
- **Về khoa học công nghệ:** Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để đổi mới công nghệ trong thi công nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.
- **Về đầu tư:** Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành xây dựng giao thông hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty.
- **Về tài chính:** Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.
- **Về nguồn nhân lực:** Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ.

### **3. Kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh**

- Thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trên cơ sở kế hoạch đầu tư phát triển trong phương án tái cơ cấu đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 1419/QĐ-BGTVT ngày 19/06/2012 và những dự báo, giai đoạn 2014 - 2016 Tổng công ty tập trung thực hiện các dự án đầu tư vào ngành nghề chính là xây dựng công trình giao thông và một số công trình phụ trợ khác để nâng cao năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh.
- Tổng Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2014 - 2016, tập trung vào một số lĩnh vực như:

- ✓ Tổng công ty sẽ đầu tư các dự án trong chiến lược phát triển kinh doanh: Dự án xây dựng Tổ hợp văn phòng thương mại tại 127 Đinh Tiên Hoàng; Dự án Cảng nội bộ và Xưởng sản xuất của Tổng công ty.
- ✓ Tổng công ty sẽ đầu tư, khai thác hiệu quả đối với khu đất 5.537m<sup>2</sup> tại Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh.
- ✓ Thực hiện đầu tư thiết bị, công nghệ mới đáp ứng yêu cầu thi công công trình và phát triển của Tổng công ty.

#### **4. Phương án sử dụng đất đai**

Tổng công ty tiếp tục quản lý và sử dụng 04 lô đất: Tổ chức sử dụng đất đúng mục đích; Triển khai thực hiện các dự án, khai thác triệt để, có hiệu quả tiềm năng đất, không để đất trống, lãng phí hoặc bị địa phương thu hồi. Cụ thể:

##### **🚧 Lô số 1**

- Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh
- Diện tích: 2.893,4 m<sup>2</sup>
- Phương án sử dụng: Đất thuê trả tiền hàng năm, thời hạn 50 năm để làm trụ sở văn phòng cơ quan điều hành Tổng công ty.
- Ý kiến của Bộ Giao thông vận tải theo công văn số 11021/BGTVT-TC ngày 16/10/2013 về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6: Đề nghị Bộ Tài chính và UBND Tp.Hồ Chí Minh cho đơn vị tiếp tục được thuê, quản lý và sử dụng để làm trụ sở văn phòng cơ quan điều hành Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6.

##### **🚧 Lô số 2**

- Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh
- Diện tích: 1.769,6 m<sup>2</sup>
- Phương án sử dụng: Đất giao có thu tiền sử dụng đất, tiếp tục sử dụng phục vụ cho sản xuất kinh doanh của đơn vị, sau khi có ý kiến của địa phương sẽ triển khai theo quy hoạch chung của Tp.Hồ Chí Minh.
- Ý kiến của Bộ Giao thông vận tải theo công văn số 11021/BGTVT-TC ngày 16/10/2013 về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6: Đề nghị Bộ Tài chính và UBND Tp.Hồ Chí Minh cho đơn vị tiếp tục quản lý và sử dụng.

Tổng công ty sẽ triển khai theo quy hoạch của Thành phố sau khi có ý kiến của địa phương

### **Lô số 3**

- Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh
- Diện tích: 5.537 m<sup>2</sup>
- Phương án sử dụng: Đất thuê trả tiền hàng năm, thời hạn 50 năm để làm bãi chứa xe máy thiết bị và kho chứa vật tư.
- Ý kiến của Bộ Giao thông vận tải theo công văn số 11021/BGTVT-TC ngày 16/10/2013 về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6: Đề nghị Bộ Tài chính và UBND Tp.Hồ Chí Minh cho đơn vị tiếp tục được thuê, quản lý và sử dụng làm bãi chứa xe máy thiết bị và kho vật tư.

▪ **Ý kiến của UBND Tp.Hồ Chí Minh về lô số 1, lô số 2 và lô số 3 như sau:**

“Đề nghị Bộ Giao thông Vận tải thực hiện theo Công văn số 15889/BTC-QLCS ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính về xử lý đối với 02 cơ sở nhà đất tại số 127 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, quận Bình Thạnh và tại phường Linh Trung, quận Thủ Đức của Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6 khi chuyển sang Công ty cổ phần./.”

“Theo Công văn 15889/BTC-QLCS ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính: Ngày 16 tháng 8 năm 2010, Bộ Tài chính có Công văn số 10745/BTC-QLCS phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của các đơn vị thuộc Bộ Giao thông Vận tải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (đợt II), theo đó phê duyệt phương án:

- Giữ lại tiếp tục sử dụng theo quy hoạch của Thành phố Khu 1 của nhà đất số 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, quận Bình Thạnh (diện tích đất: 2,893,3 m<sup>2</sup>, diện tích sàn sử dụng: 8.636,21 m<sup>2</sup>) và cơ sở nhà đất tại phường Linh Trung, quận Bình Thạnh (diện tích đất: 5.537 m<sup>2</sup>, diện tích sàn sử dụng: 1.380,42 m<sup>2</sup>);
- Chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng chung cư theo quy hoạch của Thành phố Khu 2 của nhà đất tại số 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, quận Bình Thạnh (diện tích đất 1.769,6 m<sup>2</sup>, diện tích sàn sử dụng: 1.769,6 m<sup>2</sup>);

Việc sắp xếp lại, xử lý 02 cơ sở nhà đất nêu trên của Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6 đã hoàn thành. Bộ Tài chính đề nghị Bộ Giao thông Vận tải căn cứ quy định tại Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ và khoản 9 Điều 18 Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính để

thực hiện các bước tiếp theo khi xác định giá trị quyền sử dụng đất tại số 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, quận Bình Thạnh và nhà đất tại phường Linh Trung, quận Thủ Đức.

#### **🚩 Lô số 4**

- Địa chỉ: Lô C2-16 & C2-19 Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Tp.Đà Nẵng
- Diện tích: 7.985 m<sup>2</sup>
- Phương án sử dụng: Đất thuê trả tiền hàng năm phục vụ sản xuất kinh doanh của các chi nhánh tại Tp. Đà Nẵng.
- Ý kiến của Bộ Giao thông vận tải theo công văn số 4207/BGTVT-TC ngày 24/06/2010 về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước: Đề nghị Bộ Tài chính và UBND Tp.Đà Nẵng cho Xí nghiệp Thi công cơ giới 630 thuộc Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6 tiếp tục được thuê lâu dài phục vụ sản xuất kinh doanh và theo công văn 8774/BGTVT-TC ngày 26/08/2013 về việc phương án sử dụng nhà, đất gửi UBND Tp.Đà Nẵng nhắc lại công văn số 4207/BGTVT-TC ngày 24/06/2010.
- UBND Tp.Đà Nẵng có ý kiến tại công văn số 10247/UBND-QLĐT về việc phương án sắp xếp, xử lý lại cơ sở nhà, đất của các đơn vị thuộc Bộ GTVT quản lý ngày 18/11/2013 như sau:

“Đối với cơ sở nhà, đất tại Lô C2-16 và C2-19, tổ 23, phường Hòa Thuận Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (với tổng diện tích đất là 7.985 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 450 m<sup>2</sup>, với mục đích sử dụng văn phòng làm việc và Trạm trộn bê tông): Thống nhất cho phép được giữ nguyên hiện trạng, tiếp tục quản lý sử dụng đối với cơ sở nhà đất trên.”

#### **5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa**

- Thừa kế kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được, căn cứ kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011 - 2015, Đề án tái cơ cấu đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và trên cơ sở dự báo, nhận định trước tình hình mới, mục tiêu mới và nguồn lực mới, Tổng công ty tiếp tục mở rộng đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất xây dựng các công trình giao thông và các sản phẩm phụ trợ; tăng cường gắn kết các doanh nghiệp trong toàn Tổng Công ty, tiếp tục đẩy mạnh thi công hoàn thành các dự án như:
  - ✓ Gói 2: Dự án đường cao tốc Tp.Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây.
  - ✓ Gói 1 (Km0+000-Km2+000): Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn - Đất Mũi, tỉnh Cà Mau;
  - ✓ Gói 4B: Xây dựng nhịp cầu dẫn phía Năm Căn, nhịp chính 65+100+100/2, đót hợp long và thiết kế bản vẽ thi công;



- ✓ Gói 4: Xây dựng hoàn chỉnh đoạn Km249+300-Km250+300 dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai Km244+155-Km262+353, tỉnh Lào Cai;
  - ✓ Gói 2: Xây dựng đoạn đi trên cao & Depot tuyến Metro Bến Thành - Suối Tiên;
  - ✓ Gói xây lắp EX1A (giai đoạn 1): Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng;
  - ✓ Gói thi công xây lắp số 1 (cầu, tường chắn, đường hai đầu cầu, đường gom, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, tổ chức giao thông và chiếu sáng): Dự án xây dựng đường giao thông D1 - giai đoạn 2 Khu công nghệ cao Tp.Hồ Chí Minh;
  - ✓ Gói 3, Gói 7: Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1589+300-Km1642+000 và Km1692+000-Km1720+800 tỉnh Bình Thuận;
  - ✓ Bến sà lan 3000 DWT: Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 1.
- Tổng giá trị sản lượng các công trình đã ký hợp đồng và thực hiện trong năm 2014 là **1.119.151** triệu đồng.
- Ngoài ra, Tổng công ty còn tham gia đấu thầu thi công các dự án khác gồm:
- ✓ Xây dựng đoạn đi trên cao & Depot tuyến Metro Bến Thành - Suối Tiên - 3 nhà ga và cầu Văn Thánh;
  - ✓ Dự án Đường cao tốc Bắc Nam đoạn Đà Nẵng - Quảng Ngãi;
  - ✓ Gói J1 cầu Bình Khánh, Gói J2 cầu Chà & cầu cạn thuộc dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành, Gói J3 cầu Phước Khánh.
  - ✓ Và một số công trình khác.
- Tổng giá trị sản lượng các công trình dự kiến thực hiện là **1.526.520** triệu đồng.
- Trên cơ sở đó, Tổng Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa 2014 - 2016 như sau:

**5.1. Tổng hợp một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh công ty cổ phần**

| Stt | Chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Năm 2014  | Năm 2015  | Năm 2016  |
|-----|-----------------------------|-------------|-----------|-----------|-----------|
| 1   | Tổng giá trị sản lượng      | Triệu đồng  | 2.662.721 | 2.928.993 | 3.221.892 |
| 1.1 | Giá trị xây lắp             | Triệu đồng  | 2.645.671 | 2.910.238 | 3.201.261 |
| 1.2 | Giá trị sản xuất khác       | Triệu đồng  | 17.050    | 18.755    | 20.631    |
| 2   | Vốn điều lệ                 | Triệu đồng  | 600.000   | 600.000   | 600.000   |
| 3   | Tổng giá trị tài sản        | Triệu đồng  | 1.429.643 | 1.512.685 | 1.572.557 |
| 4   | Nợ vay ngắn hạn             | Triệu đồng  | 171.974   | 189.171   | 208.088   |
|     | <i>Trong đó, nợ quá hạn</i> |             | -         | -         | -         |
| 5   | Nợ vay dài hạn              | Triệu đồng  | 105.189   | 94.670    | 85.203    |
|     | <i>Trong đó, nợ quá hạn</i> |             | -         | -         | -         |



|    |   |            |                  |                  |                  |
|----|---|------------|------------------|------------------|------------------|
| 6  | Nợ phải thu khó đòi                             | Triệu đồng | -                | -                | -                |
| 7  | Tổng doanh thu và thu nhập khác                 | Triệu đồng | 2.263.313        | 2.489.644        | 2.738.608        |
|    | <i>Trong đó doanh thu thuần</i>                 | Triệu đồng | <i>2.243.313</i> | <i>2.474.644</i> | <i>2.726.608</i> |
| 8  | Tổng chi phí                                    | Triệu đồng | 2.218.047        | 2.427.403        | 2.656.450        |
| 9  | Lợi nhuận trước thuế                            | Triệu đồng | 45.266           | 62.241           | 82.158           |
| 10 | Lợi nhuận sau thuế                              | Triệu đồng | 37.700           | 49.681           | 63.619           |
| 11 | Tỷ lệ cổ tức                                    | (%)        | 6%               | 8%               | 10%              |
| 12 | Nộp ngân sách Nhà nước                          | Triệu đồng | 10.932           | 16.272           | 22.629           |
|    | <i>Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp</i>      | Triệu đồng | <i>7.567</i>     | <i>12.560</i>    | <i>18.540</i>    |
| 13 | Tổng số lao động                                | Người      | 428              | 470              | 517              |
| 14 | Thu nhập bình quân người lao động (người/tháng) | Ngàn đồng  | 8.470            | 9.317            | 10.248           |

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Cienco 6)

## 5.2. Kế hoạch tài chính

Tổng Công ty tập trung khai thác vốn từ các tổ chức tín dụng, đối tác chiến lược, khách hàng, các nhà cung cấp (ứng trước tiền hàng, hàng đổi hàng)... Và huy động từ những nguồn nhân rồi hợp pháp khác (CBCNV, ...) bảo đảm cân đối kịp thời, đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển từng thời kỳ. Thoái vốn tại những công ty không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp để tập trung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính, đầu tư vào những công ty cổ phần có hiệu quả. Cơ cấu lại vốn đầu tư, tập trung vào đầu tư đổi mới công nghệ, đầu tư vào ngành nghề có hiệu quả. Một số chỉ tiêu chính kế hoạch tài chính giai đoạn 2014-2016:

| Stt | Chỉ tiêu                                  | Đơn vị tính | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|-----|---|-------------|----------|----------|----------|
| 1   | Vốn chủ sở hữu                            | Triệu đồng  | 601.700  | 603.381  | 607.000  |
| 2   | Vốn điều lệ                               | Triệu đồng  | 600.000  | 600.000  | 600.000  |
| 3   | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu | %           | 6,27%    | 8,23%    | 10,48%   |

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Cienco 6)

## **6. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện**

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2014-2016 đã đề ra, Tổng Công ty đưa ra 07 nhóm giải pháp gồm:

### **6.1. Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm**

#### **+ Về tiếp thị, đấu thầu**

- Tổng công ty chú trọng công tác liên danh, liên kết trong đấu thầu, trong thi công và cung cấp vật tư để lập thành nhà thầu mạnh có tính cạnh tranh cao, đáp ứng được yêu cầu của dự án đấu thầu. Quan tâm huy động các nguồn vốn, đầu tư mới thiết bị thi công, ứng dụng rộng rãi các công nghệ thi công hiện đại, tiên tiến để giảm chi phí, giảm giá thành, giảm thời gian thi công.
- Tổng công ty thường xuyên cập nhật thông tin từ Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quản lý nhà nước Trung ương và địa phương, các Ban Quản lý dự án để nắm vững những chủ trương phát triển của ngành, những dự án xây dựng công trình giao thông. Từ đó, phân công cán bộ theo dõi quá trình hình thành và triển khai dự án để có kế hoạch và phương thức hữu hiệu tham gia các dự án đấu thầu. Bám sát mục tiêu cơ cấu sản phẩm đã đề ra, chú trọng các công trình lớn có đủ vốn, phù hợp với năng lực, ưu tiên các công trình có lợi nhuận cao.
- Thiết lập và mở rộng hệ thống thông tin. Thường xuyên cập nhật thông tin gồm các thông tin quan trọng trên trang Web của cơ quan quản lý nhà nước; thông tin thường xuyên từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kế hoạch các dự án; các báo viết ngày, đặc biệt là các thời báo kinh tế; thông tin từ các cộng tác viên; thông tin từ khách hàng. Thông qua các phương tiện thông tin để đưa thông tin giới thiệu về năng lực của Tổng công ty và các sản phẩm tiêu biểu đến khách hàng.
- Chuyên môn hóa và nâng cấp tác nghiệp làm hồ sơ đấu thầu. Tổng công ty quan tâm thực hiện việc chuẩn hóa hồ sơ năng lực và các dữ liệu của Tổng công ty phong phú, hấp dẫn về nội dung, đẹp về hình thức trình bày, dễ bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng; thường xuyên cập nhật tình hình thị trường để có thông tin chính xác nhất về giá cả vật tư, nhân công, xe máy sử dụng làm cơ sở dữ liệu; tăng cường sự phối hợp các bộ phận và phòng nghiệp vụ chức năng trong việc nghiên cứu kỹ hồ sơ và hợp đồng để đưa ra các quyết định phù hợp khi đấu thầu.

- Trang bị kiến thức tiếp thị cần thiết cho các cán bộ quản lý. Đào tạo kiến thức kinh tế kỹ thuật tổng hợp cho cán bộ tiếp thị. Nghiên cứu, học tập cách tiếp cận và theo đuổi các dự án của các nhà thầu nước ngoài.

#### **+ Về sản phẩm, thị trường**

- Đầu tư sản xuất, kinh doanh chuyên sâu về các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần trong những năm vừa qua.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch mở rộng thị trường, phát huy mọi nguồn lực của Tổng công ty, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để từng bước tiếp cận thị trường quốc tế.
- Tập trung xúc tiến, tiếp cận các dự án ở các địa bàn chiến lược quan trọng trong phạm vi cả nước; tăng cường tiếp thị, quảng cáo và thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng.

## **6.2. Nhóm giải pháp về đầu tư**

### **+ Đầu tư thiết bị**

- Tiến hành rà soát lại số lượng, chất lượng trang thiết bị hiện có, đối chiếu với chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty để xác định nhu cầu và đẩy mạnh đầu tư mới thiết bị.
- Xây dựng định hướng đầu tư thiết bị mang tính đổi mới công nghệ, chú trọng công nghệ của các nước phát triển. Lập dự án đầu tư thiết bị trên cơ sở dữ liệu tin cậy, vừa mang tính khoa học vừa mang tính thực tiễn cao, thông qua việc khảo sát nhu cầu thực tế, khả năng phát huy tính năng công suất, có tính đến đầy đủ các yếu tố bất lợi, tình hình bảo hành, hướng dẫn kỹ thuật xe máy thiết bị để xác định hiệu quả đầu tư. Thông qua việc đầu tư, đổi mới phương tiện thiết bị, Tổng công ty sẽ tiếp cận được những thiết bị hiện đại, theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty.

### **+ Đầu tư công nghệ**

- Trong cơ chế thị trường, công nghệ là hàng hóa đặc biệt, nó sẽ giúp tạo ra đột phá trong việc giảm giá thành, nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian thi công mang lại lợi thế to lớn trong việc chiếm lĩnh thị trường. Tổng công ty tăng cường đầu tư về công nghệ để sở

hữu công nghệ mới thông qua các hợp đồng mua bản quyền, hoặc chuyển giao công nghệ thi công ở các công trình xây dựng có áp dụng công nghệ mới tiên tiến.

- Tổng công ty sở hữu công nghệ đối với cả phát minh sáng chế của người lao động trong Tổng công ty. Đồng thời thực hiện hợp đồng bán công nghệ với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.
- Đối với công nghệ chuyển giao qua các hợp đồng mua sắm thiết bị, được cập nhật đầy đủ nội dung theo quy trình, khai thác cao nhất các yếu tố liên quan của công nghệ.
- Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng công nghệ trên cơ sở phân loại công nghệ theo tuổi đời và giá trị (Giá trị sử dụng và giá cả) của công nghệ; thực hiện chế độ bảo mật với công nghệ do Tổng công ty sở hữu.

#### **+ Đầu tư thông qua việc liên doanh, liên kết**

- Để tạo ra sự cạnh tranh hợp lý trong chiến lược đấu thầu, Tổng công ty thường xuyên tìm kiếm các đối tác trong nước và nước ngoài để hợp tác liên doanh, liên kết nhằm tận dụng được kinh nghiệm sẵn có của đối tác để hình thành một liên danh có sức mạnh tổng hợp và có ưu thế khi tham gia đấu thầu, nhất là các dự án ODA lớn.

### **6.3. Nhóm giải pháp về vốn, tài chính**

#### **+ Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính**

- Tăng cường các hình thức huy động vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Tổng công ty, giảm bớt sức ép từ lãi vay ngân hàng, đồng thời tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển.
- Thực hiện các giải pháp tăng vốn điều lệ và nâng cao năng lực tài chính của Tổng công ty để có được tình hình tài chính lành mạnh.
- Tăng cường làm việc với ngân hàng đã có quan hệ tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, điều chỉnh lại các khoản nợ, giảm lãi vay nhằm giảm bớt gánh nặng về tài chính; tiếp tục đề nghị bảo lãnh và vay vốn thực hiện các dự án có lợi nhuận cao.
- Đẩy mạnh việc thanh quyết toán công trình và thu hồi công nợ. Thực hiện nghiêm chỉnh công tác lập hồ sơ nghiệm thu và hồ sơ hoàn công để được chủ đầu tư thanh toán kịp thời và có đầy đủ thủ tục khi quyết toán công trình để kết chuyển các khoản chi phí, triệt tiêu các khoản nợ ảo.

- Tập trung nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị. Điều chuyển nội bộ để sử dụng hợp lý hơn; thanh lý, bán bớt những máy móc thiết bị không còn phù hợp; cho thuê và tự khai thác xe máy thiết bị để đạt hiệu quả cao nhất.
- Thực hiện chính sách tiết kiệm, hạn chế chi tiêu; chú trọng sử dụng vốn vay một cách hiệu quả nhất.
- Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về tài chính, kế toán đối với các đơn vị trong Tổng công ty; đồng thời đẩy mạnh công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con.

#### **🚦 Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí**

- Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại...
- rà soát định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe điều hành, xây dựng lại quy trình điều động xe đi công tác khoa học, hợp lý, tiết kiệm, không bị chùng chéo. Hạn chế đầu tư xe điều hành khi không cần thiết.
- Hạn chế chi phí quảng cáo, tiếp thị, tiếp khách và các chi phí gián tiếp khác...
- Hạn chế, tiết kiệm chi phí đi công tác (giảm chi phí vé máy bay, tàu xe, phòng nghỉ...). Đi công tác bằng hình thức, phương tiện theo hướng tiết kiệm.
- Bố trí lại nhân sự quản lý theo hướng tinh giản, gọn nhẹ hiệu quả. Điều động một phần cán bộ kỹ sư quản lý xuống trực tiếp thi công công trình để hưởng lương trực tiếp từ dự toán chi phí nhân công công trình.
- Rà soát bảo trì, bảo quản xe máy thiết bị, xe điều hành; phát huy hết hiệu quả sử dụng tài sản thiết bị thi công không để tài sản chờ việc nhưng phải chịu chi phí khấu hao, sửa chữa...
- Cắt giảm chi phí hội họp, liên hoan, chúc mừng...chưa thực sự cần thiết và chi tổ chức hội họp theo hướng đơn giản, tiết kiệm, không phô trương.

**6.4. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ**

- Các công ty thành viên phải thành lập “Hội đồng khoa học kỹ thuật - công nghệ” để giúp Giám đốc công ty theo dõi, tập hợp, xem xét đánh giá, tổng kết các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, các công nghệ mới đã áp dụng để có phương hướng đầu tư, cải tiến hoàn thiện hơn.
- Theo dõi, cập nhật thường xuyên trình độ khoa học, kỹ thuật xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng của thế giới và khu vực; cùng với việc đẩy mạnh nghiên cứu kỹ thuật, công nghệ; thực hiện ứng dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào thi công công trình. Hàng quý, các công ty thành viên viết báo cáo sáng kiến kỹ thuật của đơn vị mình gửi Tổng công ty để phổ biến các sáng kiến đó cho các công ty thành viên khác cùng học tập, áp dụng.
- Tổng công ty tiếp tục tổ chức nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật về chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ, tiếp cận với các công nghệ thi công tiên tiến trên thế giới. Khuyến khích các cá nhân, đơn vị tăng cường phát huy nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và khoa học công nghệ. Thường xuyên tổng kết đánh giá và khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân tập thể có thành tích và nhân rộng ra toàn Tổng công ty.
- Thường xuyên phát động phong trào thi đua, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ với chỉ tiêu mỗi công ty có ít nhất 5 sáng kiến trong 1 năm, mỗi công trình của Tổng công ty làm Tổng thầu, tùy theo quy mô, độ phức tạp của công nghệ phải có sáng kiến đề xuất. Tổ chức nghiệm thu, đánh giá kịp thời và có phần thưởng xứng đáng cho các công trình, tác phẩm trên nguyên tắc trân trọng, đánh giá đúng mức và khen thưởng kịp thời dù các sáng kiến hợp lý hóa sản xuất có giá trị nhỏ để động viên được các tập thể, cá nhân phát huy tính sáng tạo làm lợi cho công ty. Đưa công tác nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào tiêu chuẩn xét chọn các danh hiệu thi đua.
- Tổ chức tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc ứng dụng từng công nghệ mới, có phương hướng tổ chức cải tiến hoàn thiện hơn để có thể triển khai sản xuất đại trà và phổ biến cho các công ty thành viên áp dụng. Trong giai đoạn 2014 - 2016, Tổng công ty tiếp tục triển khai cho các công ty thành viên nghiên cứu, đầu tư ứng dụng các công nghệ mới đã được Tổng công ty áp dụng thành công như: công nghệ thi công cọc khoan nhồi; công nghệ đúc dầm Super T; đúc dầm căng sau tại chỗ; đúc dầm hộp bê tông cốt thép theo phương pháp đúc hẫng cân bằng vượt khẩu độ lớn; công nghệ thi công cầu dây văng, dây



võng; công nghệ thi công hầm, đường sắt trong thành phố; các công nghệ thi công mặt đường bê tông xi măng; gia cố xử lý nền đất yếu; xây dựng đường ô tô cao tốc;...

- Tìm hiểu và áp dụng các công nghệ thi công hầm hiện đại khác (ngoài phương pháp NATM ở hầm Hải Vân) như: phương pháp sử dụng mũi khoan đường kính lớn, không phá nổ để thi công hầm trong thành phố, thi công theo phương pháp khoan đất (như Tổng công ty đã thi công hầm nổi hồ chứa nước xuyên Quốc lộ 14 ở Đăctik); công nghệ thi công đường sắt nội đô, đường sắt trên cao của các nước tiên tiến trên thế giới.
- Phát huy, nâng cao và hoàn thiện trình độ thi công các công trình cảng hàng không: công nghệ thi công đầm bả rộng đổ tại chỗ khẩu độ 20m, khe liên tục nhiệt trong công trình cầu dẫn vào cảng hàng không, xử lý nền đất yếu đường hạ cát cánh,...

### **6.5. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực**

#### **✚ Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực**

Việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng nhân sự gồm việc phân công lao động hợp lý; thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên; thực hiện và đảm bảo các chế độ, chính sách cho người lao động.

- ***Về phân công lao động hợp lý***
  - ✓ Để có cơ sở phân công lao động hợp lý, Tổng công ty thường xuyên đánh giá năng lực cán bộ, nhân viên. Việc đánh giá năng lực của cán bộ, nhân viên được thực hiện hàng năm để đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả làm việc, bên cạnh đó cũng thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên.
  - ✓ Xây dựng bảng mô tả công việc cho từng chức danh công việc. Trên cơ sở đó, Tổng công ty sắp xếp, bố trí, sử dụng đúng khả năng, phù hợp với nguyện vọng, năng lực và tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên nâng cao trình độ, phát huy hết khả năng của mình. Việc phân công lao động hợp lý sẽ giúp cho việc kiểm soát, quản lý và điều hành được hiệu quả.
- ***Thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên***
  - ✓ Định kỳ hàng năm, Tổng công ty tiến hành định biên nhân sự bao gồm cán bộ quản lý và nhân viên lao động gián tiếp. Trên cơ sở đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.



- ✓ Tiên hành định biên nhân sự ở từng phòng, ban sao cho phù hợp, đảm bảo bộ máy quản lý gọn nhẹ và hiệu quả cao; sau đó thực hiện việc định biên nhân sự tại các đơn vị phụ thuộc Tổng công ty.

- ***Đảm bảo các chế độ chính sách và khuyến khích người lao động***

Để khuyến khích người lao động làm việc một cách tự giác, hết mình, phát huy hết khả năng của mình, Tổng công ty có chính sách khuyến khích và có chế độ ưu đãi đối với người lao động, cụ thể là:

- ✓ Chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.
- ✓ Đổi mới chế độ lương, thưởng; xây dựng chế độ lương, thưởng hợp lý, khoa học, bảo đảm công bằng trong phân phối và phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động, xứng đáng với công sức lao động mà người lao động bỏ ra.
- ✓ Xem xét hình thức trả lương theo kết quả công việc, trên cơ sở xác định chính xác giá trị công việc, độ phức tạp của công việc, điều kiện đặc thù của công việc với các yếu tố thực tế.
- ✓ Tạo điều kiện thuận lợi cho những cán bộ có năng lực được cống hiến và phát triển. Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động có đóng góp đặc biệt vào hiệu quả sản xuất kinh doanh.

***✚ Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự***

Công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự là hoạt động quản lý nhân lực quan trọng. Trong quá trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự cần lựa chọn những cá nhân thích hợp, có đầy đủ trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Tổng công ty xem xét thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, đánh giá đúng trình độ, năng lực của ứng viên, lựa chọn những người có năng lực thực sự và phù hợp với công việc góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả kinh doanh.
- Cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, ngoài khả năng chuyên môn, cần đánh giá tư chất lãnh đạo qua khả năng thu hút đám đông, có uy với đồng nghiệp, cá tính phù hợp như phải quyết đoán, dũng cảm, khách quan, có khả năng tiếp thu các vấn đề khó, phức tạp, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, dám nhận trách nhiệm.

- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, Tổng công ty sẽ xây dựng được một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, năng lực giỏi, thành thạo trong việc sử dụng trang thiết bị mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện để làm tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

#### **+ Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

Để nắm bắt nhanh các cơ hội kinh doanh, đồng thời thích ứng và đối phó hiệu quả với những thách thức thường xuyên của thị trường. Tổng công ty thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như sau:

- Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tay nghề thông qua việc tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao để người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu nhằm hoàn thành khối lượng, chất lượng sản phẩm cho Tổng công ty.
- Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức mới; có kế hoạch bổ sung thay thế và nâng cao chất lượng lao động trên cơ sở thực hiện tốt công tác đào tạo kết hợp với việc tuyển dụng mới lao động được đào tạo cơ bản. Đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, coi đó là việc đầu tư cho tương lai.
- Tổng công ty có biện pháp hỗ trợ nguồn nhân lực tại các công ty thành viên và nâng cao chất lượng đào tạo lao động nhằm xây dựng một lực lượng lao động chuyên nghiệp.

#### **+ Thu hút và sử dụng nhân tài**

- ***Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân tài từ bên ngoài vào Tổng công ty***
  - ✓ Xây dựng chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng và các chính sách khuyến khích khác như bổ nhiệm, giao nhiệm vụ quan trọng, phương tiện đi lại... để thu hút chuyên gia trình độ cao và nhân tài.
  - ✓ Thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với các đối tượng là sinh viên tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc, loại giỏi chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí cần tuyển; người có bằng thạc sỹ tuổi đời dưới 30, tiến sĩ tuổi đời dưới 35, chuyên gia trình độ cao có chuyên ngành đào tạo thuộc các chuyên ngành, lĩnh vực quản trị, kinh doanh quan trọng của Tổng công ty; công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, bậc thợ giỏi.

- **Thực hiện kế hoạch sử dụng nhân tài của Tổng công ty**
  - ✓ Cụ thể hoá các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhân tài, tạo điều kiện để nhân tài phát triển, cống hiến cho Tổng công ty và tự khẳng định mình để được xã hội tôn vinh.
  - ✓ Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh nhân tài. Xây dựng chính sách đãi ngộ nhân tài như chế độ lương, điều kiện làm việc, khen thưởng, tôn vinh người có tài, người có công, bố trí sử dụng nhân tài; tạo môi trường làm việc và có chính sách khuyến khích những công trình nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị thực tiễn cao.
  - ✓ Tiến hành đánh giá và có kế hoạch bố trí, sử dụng nhân tài một cách hợp lý. Cán bộ, nhân viên thuộc diện tài năng trẻ, nhân lực chất lượng cao được ưu tiên tạo điều kiện trong công tác, cụ thể như sau:
    - Được bố trí, phân công công việc phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
    - Được ưu tiên tạo điều kiện về phương tiện làm việc, nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ.
    - Được ưu tiên xem xét trong việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý của Tổng công ty.

## **6.6. Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp**

### **+ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ**

- Việc chuyển đổi Tổng công ty từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần sẽ có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động của Tổng công ty. Ngay sau khi được chuyển đổi thành công ty cổ phần, Tổng công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên nghiệp của Tổng công ty. Tổng công ty sẽ tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:
  - ✓ Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - ✓ Quan hệ nội bộ Tổng công ty.
  - ✓ Quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty con.
  - ✓ Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

- Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Tổng công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Tổng công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Tổng công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.

#### **✚ Nâng cao năng lực hoạt động cho các chi nhánh**

Các chi nhánh có vị trí và vai trò quan trọng trong việc mở rộng thị trường, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Do đó, Tổng công ty phải tập trung thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao năng lực hoạt động cho các đơn vị này, cụ thể là:

- Các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và hướng dẫn nghiệp vụ cho các chi nhánh trong việc thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Tổng công ty sẽ có đầu tư đúng mức về nhân lực, thiết bị và việc làm để các đơn vị này phát triển theo hướng chuyên môn hóa lĩnh vực và trở thành lực lượng nòng cốt của Tổng công ty.
- Phân cấp quản lý và quy định trách nhiệm cho các chi nhánh phù hợp với quy mô, địa bàn hoạt động để các đơn vị được chủ động trong sản xuất, kinh doanh.

#### **✚ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý**

- Công nghệ thông tin đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đã chứng tỏ tầm ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.
- Để phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh, Tổng công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin, vừa để tạo ra những biến chuyển mang tính bước ngoặt trong sản xuất, vừa góp phần giảm nhẹ các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tổng công ty đề ra các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như sau:
- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kinh doanh bao gồm các nội dung chủ yếu như: hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành; số hóa nguồn thông tin ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử; phát

triển và cung cấp thông tin trực tuyến; thông tin công khai về tuyển dụng, chế độ lương, hưu, bảo hiểm, khen thưởng và kỷ luật.

- Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; tiếp tục xây dựng, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công nhân viên; nghiên cứu xây dựng chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công nhân viên chuyên trách về công nghệ thông tin; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án và đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công nhân viên.
- Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin một cách đồng bộ; trang bị sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để ứng dụng vào quản lý, kinh doanh như: phần mềm dùng chung quản lý văn bản, phần mềm quản lý nhân sự - lao động, phần mềm quản lý vật tư - thiết bị để giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ; khuyến khích cán bộ, công nhân viên khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ công tác.
- Tăng cường và khuyến khích sử dụng các hình thức truyền thông cơ bản như thư điện tử, điện thoại, fax; đưa thông tin lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Tổng công ty để trao đổi thông tin ở khoảng cách xa, tạo thói quen làm việc của cán bộ, công nhân viên trên môi trường mạng và hệ thống thông tin trợ giúp nhằm thay thế văn bản giấy.
- Từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung của Tổng công ty.

### **6.7. Nhóm giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy**

Tổng công ty tiếp tục chủ trương thoái vốn tại các doanh nghiệp thành viên theo Đề án tái cơ cấu đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt.

#### **✚ Sắp xếp, tổ chức lại bộ máy giúp việc**

- Việc tổ chức lại các phòng, ban đảm bảo phù hợp giữa chức năng, lĩnh vực quản lý và bộ phận quản lý sao cho tất cả các chức năng và lĩnh vực quản lý đều có phòng ban, nhân viên phụ trách và mỗi một phòng ban, nhân viên đều có công việc phụ trách. Việc tổ chức lại bộ máy giúp việc được thực hiện theo hướng sau:
  - ✓ Nghiên cứu làm tinh gọn bộ máy, giảm được các mối quan hệ công tác, đồng thời tiết kiệm các chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
  - ✓ Nghiên cứu thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện chức năng giúp lãnh đạo Tổng công ty quản lý hữu hiệu và hiệu quả hơn các nguồn lực góp phần hạn chế tối đa

những rủi ro phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp xây dựng một nền tảng quản lý vững chắc phục vụ cho quá trình mở rộng sản xuất và phát triển của Tổng công ty.

#### **✚ Sắp xếp, tổ chức lại các chi nhánh**

- Việc sắp xếp, tổ chức lại các chi nhánh được thực hiện theo hướng chuyên môn hóa lĩnh vực hoạt động cho các chi nhánh để nâng cao năng lực và sức cạnh tranh trên thị trường.
- Đối với Xí nghiệp xây dựng công trình số 1 thực hiện giải thể do hoạt động không hiệu quả.
- Đối với Ban quản lý điều hành dự án xây dựng đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình Gói thầu số 5. Đây là đơn vị được thành lập để thực hiện quản lý, thi công phần việc của Tổng công ty tại dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình. Sau khi hoàn thành dự án và các vấn đề liên quan, chi nhánh sẽ được giải thể.

**III. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN**

Tổng công ty đã xây dựng được uy tín trong việc hoàn thành các công trình trọng điểm, sẽ tạo tiền đề cơ bản cho Tổng công ty được trúng thầu các công trình lớn và kinh doanh có lợi nhuận. Tuy nhiên, Tổng công ty hoạt động với quy mô lớn và trong môi trường có những rủi ro tương đối cao, cụ thể là:

**1. Rủi ro về kinh tế**

Trong kinh tế thị trường, Tổng công ty cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của lạm phát nền kinh tế quốc dân. Trong những năm vừa qua, kinh tế Việt Nam đã phải đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cũng đã bị ảnh hưởng rất lớn. Hiện nay, mặc dù kinh tế thế giới và trong nước đã có những dấu hiệu tích cực, tuy nhiên, tình hình khó khăn chung cũng còn ảnh hưởng đến Tổng công ty trong giai đoạn đầu khi chuyển sang công ty cổ phần.

**2. Rủi ro pháp lý**

- Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Sự thay đổi này có thể mang đến thuận lợi hay bất lợi cho hoạt động của Tổng công ty.
- Về hình thức pháp lý và tổ chức quản lý doanh nghiệp: Tổng công ty là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang loại hình công ty cổ phần. Do đó, Tổng công ty sẽ gặp một số trở ngại nhất định từ việc chuyển đổi này. Tuy nhiên, do đã có quá trình hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cùng theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005 nên Tổng công ty sẽ nhanh chóng thích ứng với sự chuyển đổi loại hình công ty này. Trong quá trình hoạt động, Tổng công ty sẽ tiếp tục cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

**3. Rủi ro tài chính**

- Tình hình công nợ của Tổng công ty còn lớn, nhiều công trình đã thi công xong chưa được thanh quyết toán. Nguồn vốn sản xuất kinh doanh chủ yếu là vay ngân hàng. Trong khi đó, chi phí lãi vay vẫn đang ở mức cao, biến đổi theo xu hướng tăng và khó lường sẽ làm gia tăng rủi ro cho Tổng công ty và làm giảm hiệu quả kinh doanh.



- Các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh như nhiên liệu, năng lượng, vật liệu xây dựng, bốc xếp vận chuyển, lưu kho... luôn biến động theo xu hướng tăng, trong khi giá xây dựng công trình điều chỉnh chậm cũng là những vấn đề ảnh hưởng lớn đến hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

#### **4. Rủi ro đặc thù của ngành**

- Dự kiến trong những năm tới, thị trường xây dựng cơ bản sẽ tiếp tục trầm lắng, thu hẹp bởi tác động từ chính sách cắt giảm đầu tư công, thắt chặt tín dụng của các ngân hàng.
- Ngành xây dựng cơ bản hiện nay chịu sự cạnh tranh gay gắt từ nhiều đối thủ trong và ngoài nước. Cạnh tranh tất yếu dẫn đến sự giảm giá nhưng vẫn phải nâng cao chất lượng để giữ vững uy tín, thương hiệu đối với khách hàng. Do đó, Tổng công ty cũng phải đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh về mọi mặt để giữ vững được thị trường và thị phần.

#### **5. Rủi ro đợt chào bán**

- Đợt chào bán cổ phần của Tổng công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Tổng công ty.
- Đợt chào bán này là đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty. Tổng giá trị đợt bán đấu giá tính theo mệnh giá là **287.241.000.000** đồng. Do không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt bán đấu giá này có thể không thành công như kỳ vọng, tức là tổng khối lượng cổ phần được mua thấp hơn khối lượng chào bán. Khi đó, số cổ phần không chào bán hết sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Cụ thể như sau:

*“Ban chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.*

*Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.*

*Ban chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện phân vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phân vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh”.*

- Rủi ro của đợt chào bán nếu xảy ra sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn điều lệ thực tế của Tổng công ty so với cơ cấu dự kiến. Qua đó, phần nào ảnh hưởng tới việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty sau khi cổ phần hóa.

## **6. Rủi ro khác**

Hoạt động thi công xây dựng diễn ra ở công trường, trong điều kiện tự nhiên, do đó thiên tai cũng là một trong những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

## **PHẦN IV**

### **THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**



#### **I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN**

##### **1. Đối tượng mua cổ phần**

- Đối tượng mua cổ phần bao gồm: người lao động Công ty và các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.
- Cổ phần phát hành cho người lao động được phân phối theo danh sách được duyệt.
- Cổ phần phát hành cho các nhà đầu tư khác được phân phối thông qua hình thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.

##### **2. Phương thức chào bán**

###### **2.1 Cổ phần người lao động được mua ưu đãi**

-  Cổ phần được ưu đãi giảm giá bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP được thực hiện tại Tổng Công ty theo danh sách đã được Hội nghị người lao động bất thường thông qua.
- Tổng số người lao động trong danh sách lao động của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại thời điểm ngày 10/10/2013: 418 người.
- Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: 328 người; 90 người không đủ điều kiện do thời gian công tác tại khu vực nhà nước dưới 1 năm.
- Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 328 người.
- Tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: 3.538 năm.
- Số cổ phần giá ưu đãi của 328 người đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước: 353.800 cổ phần.
-  Cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP được thực hiện tại Tổng Công ty theo danh sách đã được Hội nghị người lao động bất thường thông qua.
- Tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi có trình độ nghiệp vụ cao đã được Hội nghị người lao động nhất trí thông qua:
  - ✓ Về điều kiện: người lao động không quá 57 tuổi đối với Nam, 52 tuổi đối với Nữ.

- ✓ Về tiêu chuẩn: đạt một trong các tiêu chuẩn sau:
  - Giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên.
  - Chuyên viên cao cấp, kỹ sư cao cấp, chuyên viên chính, kỹ sư chính.
  - Chuyên viên, kỹ sư đang hưởng bậc lương từ 2/8 trở lên.
  - Cán sự đang hưởng bậc lương từ 8/12 trở lên.
  - Công nhân kỹ thuật đang hưởng bậc lương từ 5/7 trở lên.
  - Nhân viên lái xe đang hưởng bậc lương từ 3/4 trở lên.
- Tổng số lao động của Công ty mẹ - Tổng Công ty có trong danh sách tại thời điểm ngày 10/10/2013 thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tiếp tại công ty cổ phần: **389** người, trong đó có **302** người đủ điều kiện mua thêm cổ phần theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp.
- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: **25** người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: **45.600** cổ phần.
- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 500 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: **79** người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: **276.500** cổ phần.

## **2.2 Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn**

Tổ chức công đoàn không đăng ký tham gia mua cổ phần.

## **2.3 Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược**

Không có nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần.

## **2.4 Cổ phần chào bán đấu giá công khai**

- Số lượng cổ phần chào bán: 28.724.100 cổ phần chiếm 47,87% vốn điều lệ.
- Loại cổ phần chào bán: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần.
- Đặt cọc: 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.
- Đối tượng tham gia: Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần

- đầu ra công chứng của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 - TNHH Một thành viên.
- Tổ chức bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.
  - Thời gian và địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá: Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chứng của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 - TNHH Một thành viên do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ban hành.
  - Thời gian tổ chức đấu giá: Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chứng của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 - TNHH Một thành viên do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ban hành.
  - Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

### **3. Phương thức thanh toán và thời gian thanh toán**

Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chứng do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ban hành.

**II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA**

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại Mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá đấu bình quân là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

**Bảng 9: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa**

| STT      | Nội dung   | Số tiền (đồng)         |
|----------|--|------------------------|
| <b>1</b> | <b>Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp</b>  | <b>460.546.297.426</b> |
| <b>2</b> | <b>Các khoản tiền thu từ cổ phần hóa (2.1 + 2.2)</b>   | <b>292.584.800.000</b> |
| 2.1      | Thu từ bán cổ phần cho người lao động (A+B)  | 5.343.800.000          |
| A        | Thu từ bán cổ phần giá ưu đãi  | 2.122.800.000          |
| B        | Thu từ bán cổ phần mua thêm theo số năm cam kết  | 3.221.000.000          |
| 2.2      | Thu từ bán đấu giá cổ phần   | 287.241.000.000        |
| <b>3</b> | <b>Giá trị cổ phần bán cho người lao động và bán đấu giá tính theo giá khởi điểm (3.1 + 3.2)</b>               | <b>294.000.000.000</b> |
| 3.1      | Giá trị cổ phần bán cho người lao động theo giá khởi điểm  | 6.759.000.000          |
| 3.2      | Giá trị cổ phần bán đấu giá theo giá khởi điểm (C+D)   | 287.241.000.000        |
| C        | Giá trị cổ phần phát hành thêm   | 132.694.700.000        |
| D        | Giá trị cổ phần Nhà nước bán bớt   | 154.546.300.000        |
| <b>4</b> | <b>Vốn Nhà nước tham gia theo phương án cổ phần hóa</b>  | <b>306.000.000.000</b> |
| <b>5</b> | <b>Chi phí cổ phần hóa dự kiến</b>   | <b>1.997.454.545</b>   |
| <b>6</b> | <b>Chi phí giải quyết cho lao động dôi dư</b>  | <b>181.169.786</b>     |
| <b>7</b> | <b>Số tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước còn lại sau khi trừ đi các khoản chi theo quy định [(1+2-3-4-5-6)]</b> | <b>150.952.473.095</b> |
| <b>8</b> | <b>Số tiền thu từ việc phát hành thêm cổ phiếu để lại doanh nghiệp sử dụng theo quy định pháp luật</b>         | <b>132.694.700.000</b> |

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Cienco 6

**III. KẾT LUẬN**

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 – TNHH MTV trước khi đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin, số liệu do Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 – TNHH MTV cung cấp và phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt của Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 theo quy định đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi ra quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 – TNHH MTV.

Trân trọng cảm ơn.



Tp.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2014

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA  
CHỦ TỊCH HĐQT TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 6 -  
TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**



**BÙI PHI HÙNG**

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA  
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 6 -  
TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC** *cuon*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG** *vanphet*



**NGUYỄN VĂN THANH**

**VŨ ĐỨC HÒA**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN  
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM  
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH TP.HCM**



**LÊ VĂN MINH**